

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Hằng

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Thuý Hồng

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯƠNG GIANG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Hằng

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thuý Hồng

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thu Hằng

Mã SV: 110321

Lớp: QT1104K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Hương Giang

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ):

- Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:

Số liệu năm 2010

3. Địa điểm thực tập:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯƠNG GIANG

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 Một số vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
<i>1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....</i>	<i>2</i>
<i>1.1.1.1 Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.....</i>	<i>2</i>
<i>1.1.1.2 Khái niệm về chi phí.....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.1.3 Khái niệm về xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>6</i>
<i>1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh.....</i>	<i>7</i>
<i>1.1.3 Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong doanh nghiệp.....</i>	<i>7</i>
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	8
<i>1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>8</i>
<i>1.2.2 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>12</i>
<i>1.2.3 Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>13</i>
<i>1.2.4 Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác.....</i>	<i>15</i>
<i>1.2.5 Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán</i>	<i>17</i>
<i>1.2.6 Tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....</i>	<i>21</i>
<i>1.2.7 Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính.....</i>	<i>23</i>
<i>1.2.8 Tổ chức công tác kế toán chi phí khác.....</i>	<i>25</i>
<i>1.2.9 Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>26</i>

1.3 Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM HƯƠNG GIANG.....	29
2.1 Giới thiệu về công ty TNHH TM Hương Giang.....	29
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển công ty TNHH TM Hương Giang.....	29
2.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh	29
2.1.3 Đặc điểm bộ máy tổ chức quản lý của công ty.....	32
2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty.....	34
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán.....	34
2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.....	35
2.1.5 Hình thức kế toán, phần mềm kế toán áp dụng tại công ty.....	36
2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI HƯƠNG GIANG	38
2.2.1 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ.....	38
2.2.1.1 Đặc điểm kế toán doanh thu tại công ty.....	38
2.2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	38
2.2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN.....	39
2.2.2.1 Đặc điểm kế toán giá vốn tại công ty.....	39
2.2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn	39
2.2.3 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	58
2.2.3.1 Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính tại công ty.....	58
2.2.3.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	58
2.2.4 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KD	62

2.2.4.1 Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty	62
2.2.4.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh	62
2.2.5 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	67
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM HƯƠNG GIANG.....	72
3.1 Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Hương Giang	72
3.1.1 Kết quả đạt được.....	72
3.1.1.1 Về công tác kế toán nói chung	72
3.1.1.2 Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD	73
3.1.2 Những hạn chế chung	73
3.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Hương Giang	74
3.3 Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Hương Giang	74
3.3.1 Về việc luân chuyển chứng từ	74
3.3.2 Về việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh	75
3.3.3 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá	79
3.3.4 Một số biện pháp khác	84
KẾT LUẬN	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO	86

LỜI MỞ ĐẦU

Xu thế hội nhập ngày một mở rộng đã đưa đến cho các doanh nghiệp những thời cơ và thách thức, và một trong những trở ngại lớn cho các doanh nghiệp đó là phải đối mặt với cạnh tranh. Trước thách thức đó buộc các doanh nghiệp phải tự đặt ra cho mình những mục tiêu, chiến lược kinh doanh cho riêng mình để không những tồn tại được trên thương trường mà còn phát triển mạnh mẽ.

Một trong những khâu quan trọng hàng đầu trong kinh doanh đó là quá trình tiêu thụ sản phẩm. Đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào kể từ khi thành lập là phải xác định được đối tượng khách hàng cần hướng tới, tổ chức tiêu thụ với các khách hàng đó ra sao, và mục đích cuối cùng là lợi nhuận cao nhất. Như vậy trong kinh doanh ngoài việc sản xuất ra sản phẩm hàng hóa dịch vụ sao cho đa dạng và chất lượng tốt thì việc tiêu thụ đóng vai trò then chốt dẫn đến thành công.

Nhận thức được vai trò quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương Mại Hương Giang em đã quyết định chọn đề tài: "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Hương Giang**" làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Thương Mại Hương Giang.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Hương Giang.

Vì thời gian cũng như kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp, phê bình của thầy cô, cùng các cô, chú trong phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Đồng thời em xin cảm ơn Th.S Nguyễn Thị Thuý Hồng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Một số vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1.1 Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu

◆ *Khái niệm về doanh thu*

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- *Các khoản giảm trừ*: là phản ánh các khoản phát sinh làm giảm doanh thu bán hàng trong kỳ. Các khoản giảm trừ theo chế độ hiện hành bao gồm:

+ *Chiết khấu thương mại*: là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng.

+ *Giảm giá hàng bán*: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

+ *Hàng bán bị trả lại*: phản ánh giá trị của số hàng hoá đã tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do các nguyên nhân: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách...

+ *Thuế xuất khẩu*: thuế xuất khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được tính vào giá bán và do người tiêu dùng gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ.

+ Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- *Doanh thu thuần*: là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

- *Doanh thu tài chính*: là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi ngân hàng, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- *Thu nhập khác*: bao gồm các khoản phát sinh như thu nhập từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu từ phạt vi phạm hợp đồng, thu từ nhận tài trợ, biếu tặng...

◆ **Điều kiện ghi nhận doanh thu**

✓ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

✓ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kì thì doanh thu được ghi nhận theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kì đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- Xác định chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.1.1.2 Khái niệm về chi phí

- *Giá vốn hàng bán*: là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất. Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

- *Chi phí tài chính*: bao gồm những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính: chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

- *Chi phí bán hàng*: là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

+ Chi phí vật liệu bao bì: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hoá.

+ Chi phí dụng cụ đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: chi phí khấu hao tài sản cố định dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

+ Chi phí dự phòng: là khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá đã được bán trong kỳ.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý...

+ Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá...

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

+ Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dùng chung của doanh nghiệp

+ Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn...

+ Thuế, phí, lệ phí: các khoản thuế như thuế nhà, thuế đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

+ Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp, dự phòng các hợp đồng có rủi ro lớn tính vào chi phí QLDN.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê sửa chữa TSCĐ....

+ Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ....

- *Chi phí khác*: bao gồm các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường như: giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý nhượng bán, chi phí liên quan đến thanh lý nhượng bán TSCĐ, phạt do vi phạm hợp đồng...

1.1.1.3 Khái niệm về xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

✓ *Kết quả từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu thuần	=	Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Giảm giá hàng bán	-	Hàng bán bị trả lại	-	Thuế TTĐB, thuế XK (nếu có)
-----------------	---	----------------------------------	---	-----------------------	---	-------------------	---	---------------------	---	-----------------------------

Lợi nhuận gộp từ hoạt động BH và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán
---	---	---	---	------------------

LN thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp từ hoạt động BH và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý DN
----------------------------------	---	---	---	-------------------------------	---	-------------------	---	------------------	---	--------------------

✓ *Kết quả từ thu nhập hoạt động tài chính*

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
----------------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------

✓ *Kết quả từ thu nhập hoạt động khác*

Lợi nhuận từ hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
-----------------------------	---	---------------	---	--------------

✓ *Lợi nhuận kế toán trước thuế*

$$\text{LN kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

✓ *Lợi nhuận sau thuế*

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra gồm doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng.
- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh.
- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.1.3 Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong DN

1.1.3.1 Các phương thức bán hàng

- *Bán buôn*: là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá

bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

+ Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho: là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

- *Bán lẻ*: là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

- *Bán hàng đại lý hay ký gửi hàng hoá*: là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở đại lý. Bên nhận đại lý trực tiếp bán hàng thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển cho cơ sở đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi cơ sở đại lý thông báo hàng đã bán được.

- *Bán hàng trả góp, trả chậm*: là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp dành cho người mua ưu đãi được trả tiền hàng trong nhiều kỳ. Doanh nghiệp được hưởng thêm khoản chênh lệch giữa giá bán trả góp và giá bán theo phương thức trả tiền ngay gọi là lãi trả góp. Khi doanh nghiệp giao hàng cho người mua, hàng hoá được xác định là tiêu thụ. Tuy nhiên khoản lãi trả góp chưa được ghi nhận toàn bộ mà chỉ được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính vào nhiều kỳ sau giao dịch bán.

1.1.3.2 Phương thức thanh toán

Việc thanh toán với người mua được thực hiện bằng nhiều phương thức:

- + Thanh toán trực tiếp: thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- + Trả chậm: không tính lãi hoặc có tính lãi

1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- + Hoá đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo

phương pháp trực tiếp (Mẫu số 02GTGT-3LL)

+ Hoá đơn GTGT đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (Mẫu số 01GTKT-3LL)

+ Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 01-BH)

+ Thẻ quỹ hàng (Mẫu số 02-BH)

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: có 4 TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

TK 511

<p>- Số thuế TTĐB, thuế XNK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ.</p> <p>- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.</p> <p>- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ</p> <p>- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911</p>	<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có



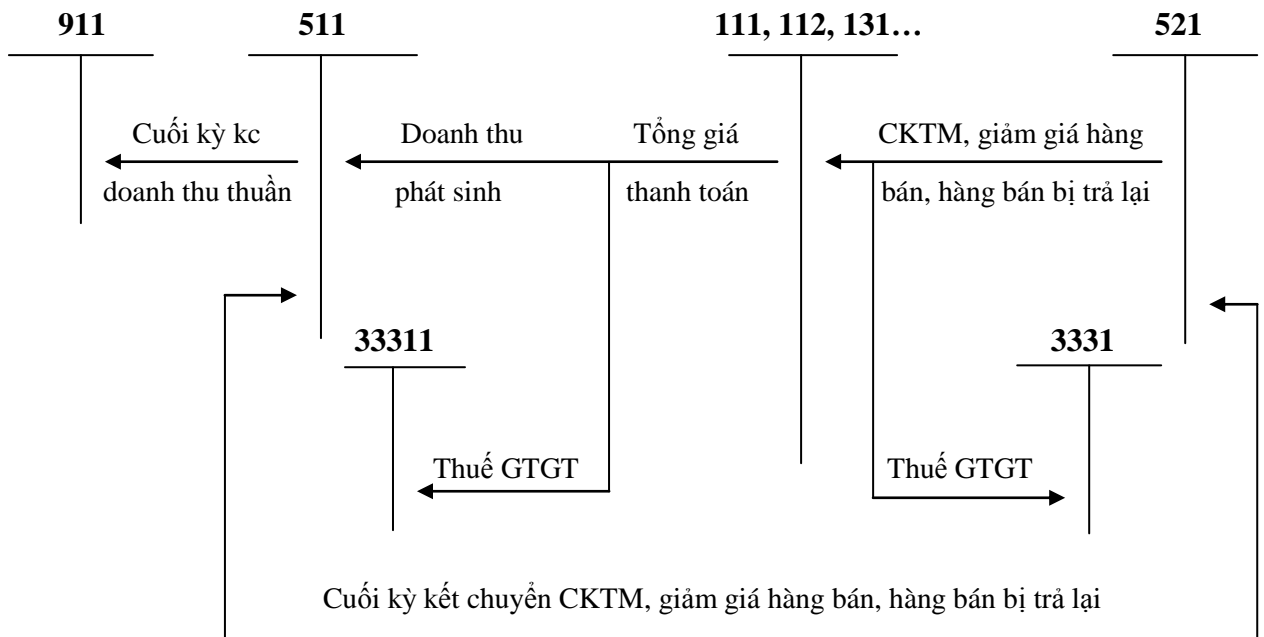
TK 511 không có số dư cuối kỳ

1.2.1.3 Quy trình hạch toán

SƠ ĐỒ 1.1

KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC

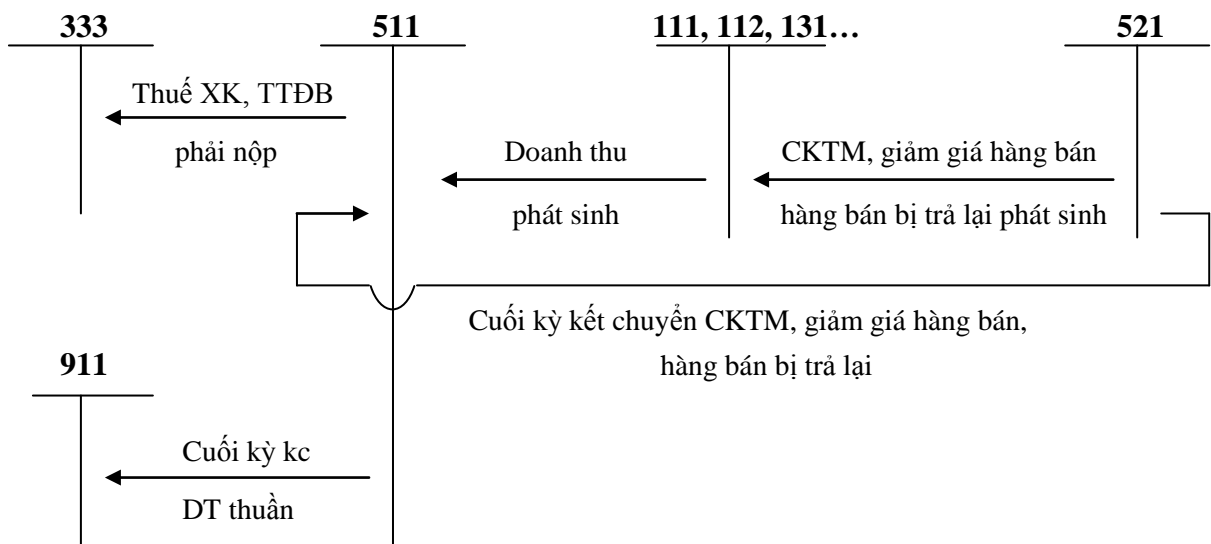
(Trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



SƠ ĐỒ 1.2

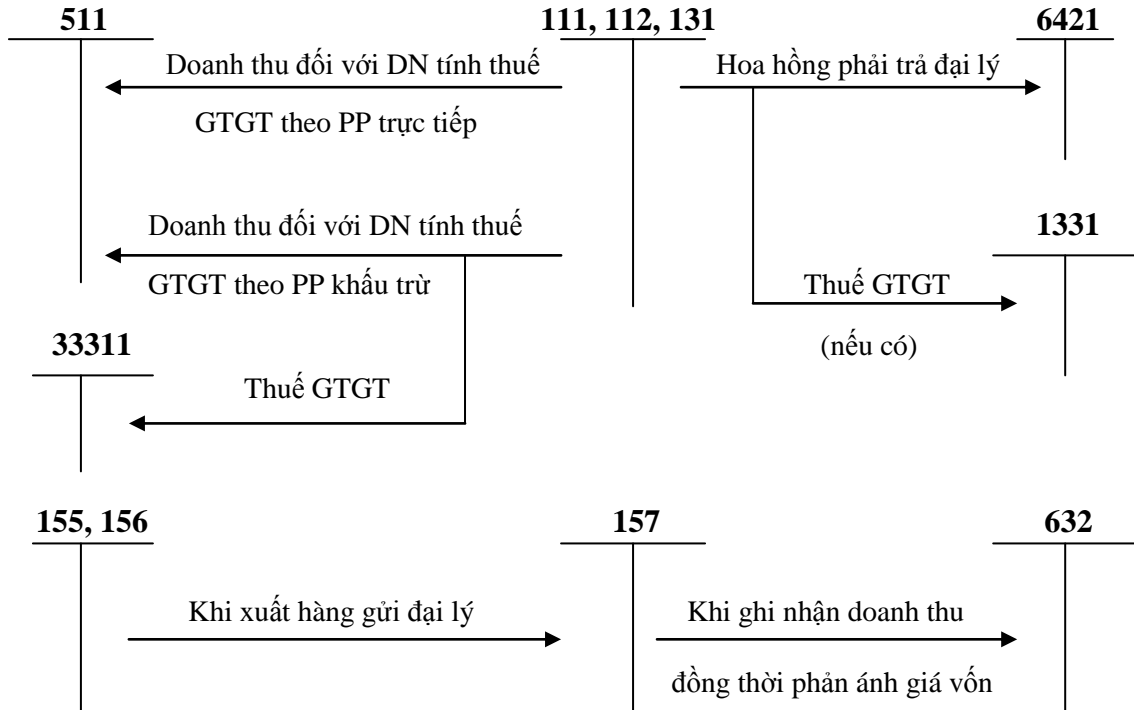
KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC

(Trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



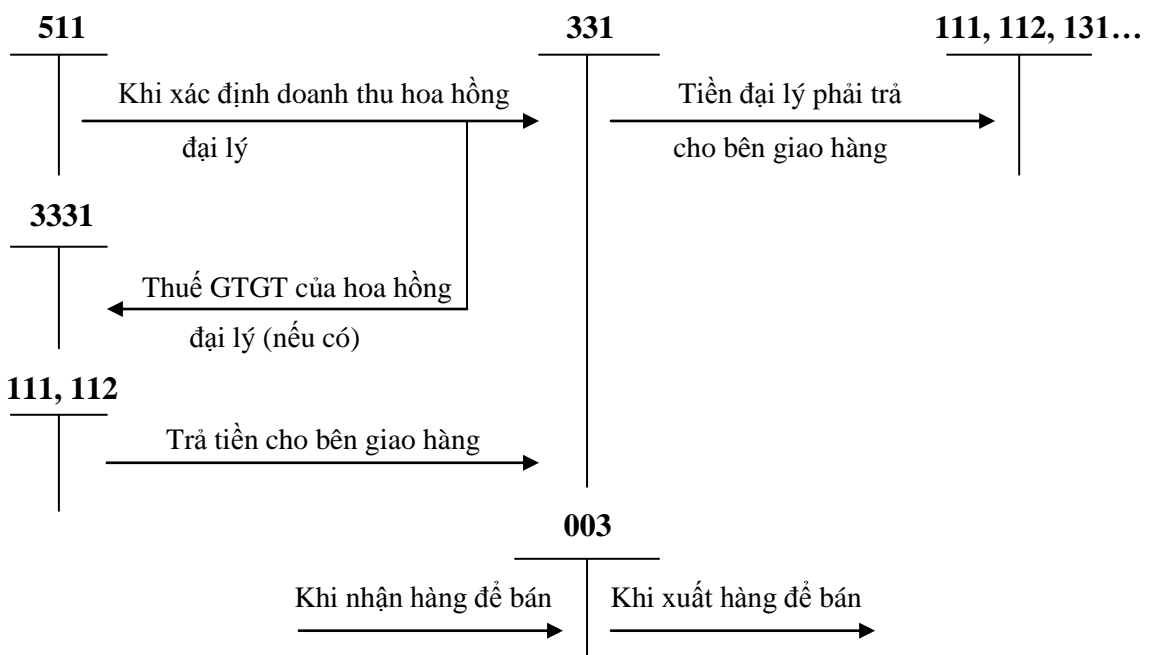
SƠ ĐỒ 1.3

**KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG ĐẠI LÝ THEO PHƯƠNG THỨC BÁN ĐÚNG GIÁ HƯỞNG HOA HỒNG THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC
(Đối với bên giao đại lý)**

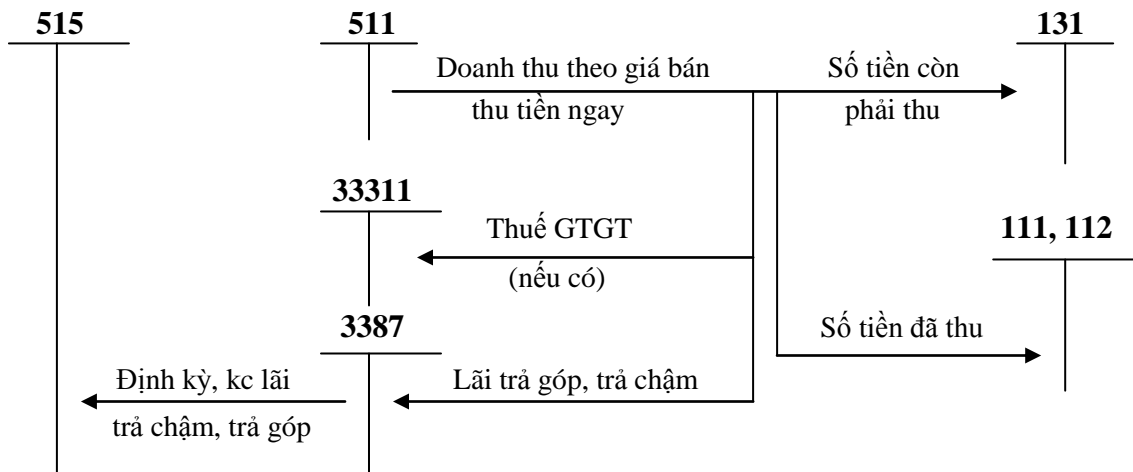


SƠ ĐỒ 1.4

**KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG ĐẠI LÝ THEO PHƯƠNG THỨC BÁN ĐÚNG GIÁ HƯỞNG HOA HỒNG THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC
(Đối với bên nhận đại lý)**



SƠ ĐỒ 1.5: KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG TRẢ CHẬM TRẢ GÓP THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC



1.2.2 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT), phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT)
- + Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT), phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- + Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL)
- + Và các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

TK 521- Các khoản giảm trừ doanh thu. Có 3 TK cấp 2:

- TK 5211: Chiết khấu thương mại
- TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- TK 5213: Giảm giá hàng bán

TK 521

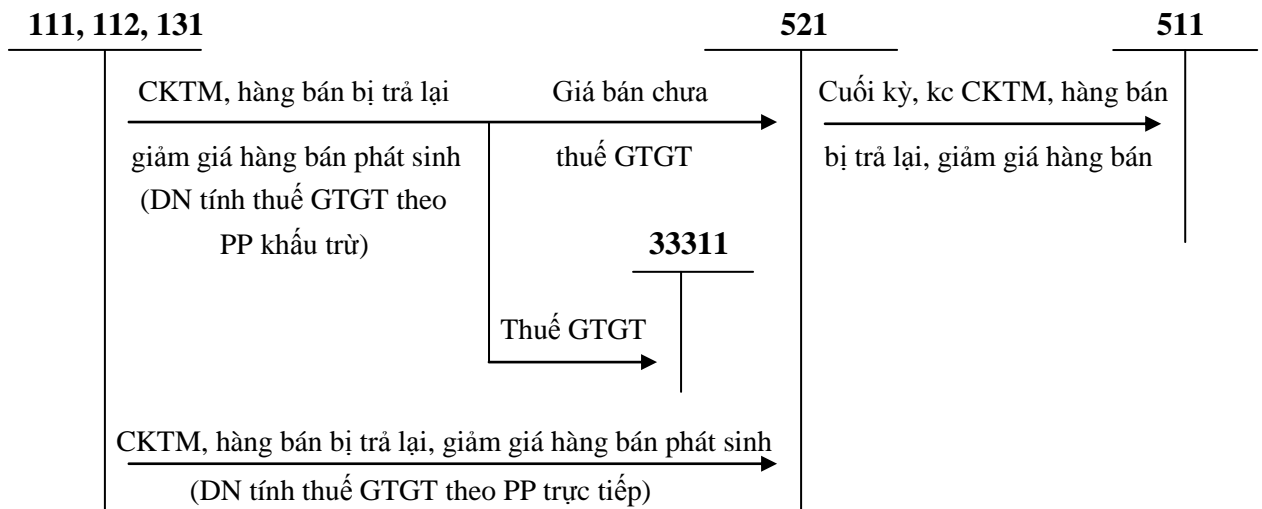
<p>- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.</p> <p>- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng.</p>	<p>Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo</p>
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có



TK 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3 Quy trình hạch toán

**SƠ ĐỒ 1.6: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU
THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC**



1.2.3 Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- + Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- + Giấy báo có
- + Các chứng từ khác liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

- + TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

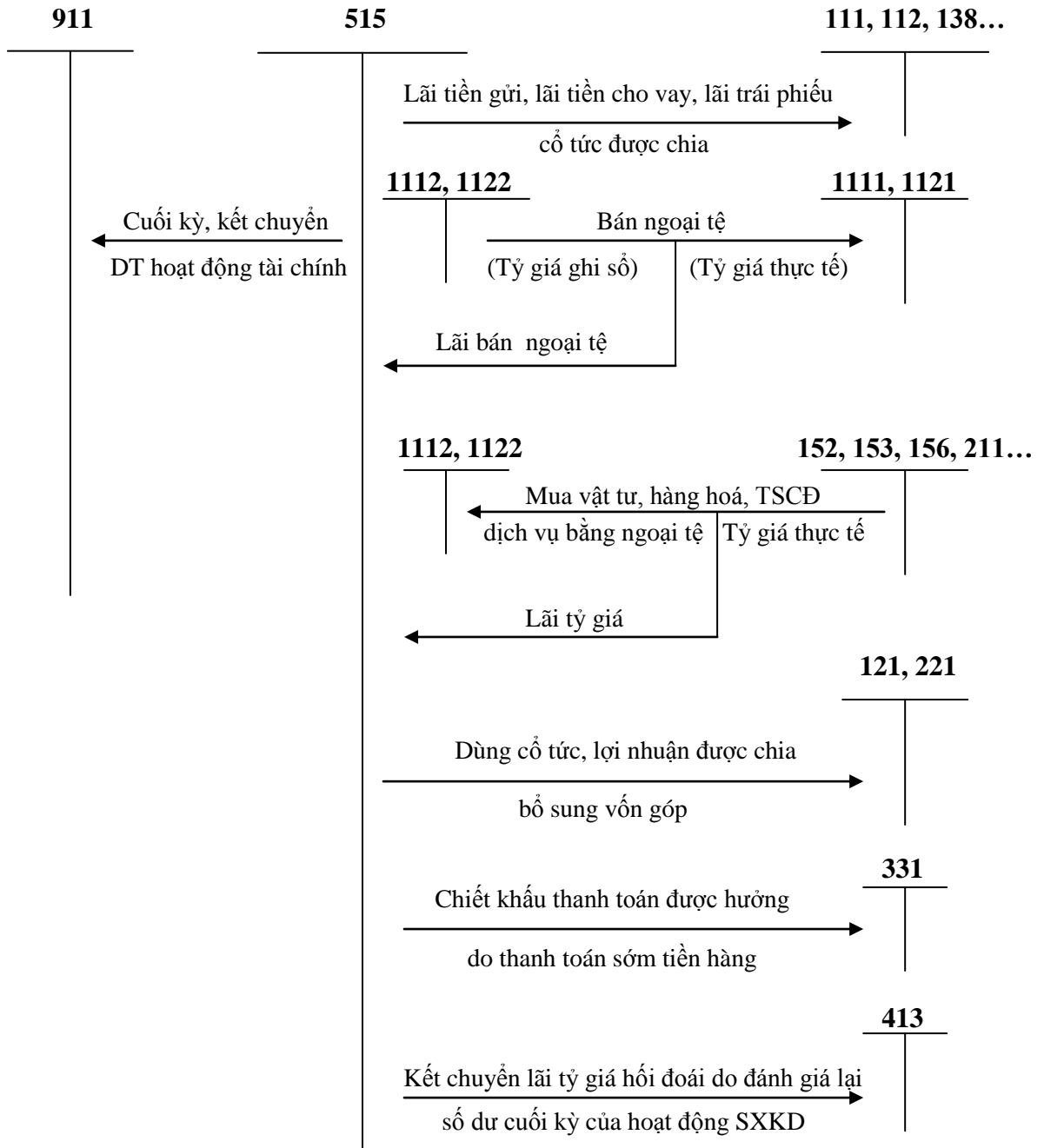
TK 515

<p>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)</p> <p>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911</p>	<p>- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia</p> <p>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</p> <p>- Chiết khấu thanh toán được hưởng</p> <p>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch hoạt động kinh doanh, khi bán ngoại tệ, do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động KD</p> <p>- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành.</p>
<p>Σ SPS Nợ</p>	<p>Σ SPS Có</p>



1.2.3.3 Quy trình hạch toán

**SƠ ĐỒ 1.7: KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH
THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC**



1.2.4 Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- + Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ (Mẫu số 02 – TSCĐ)
- + Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- + Các chứng từ kế toán khác

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng:

- + TK 711: Thu nhập khác

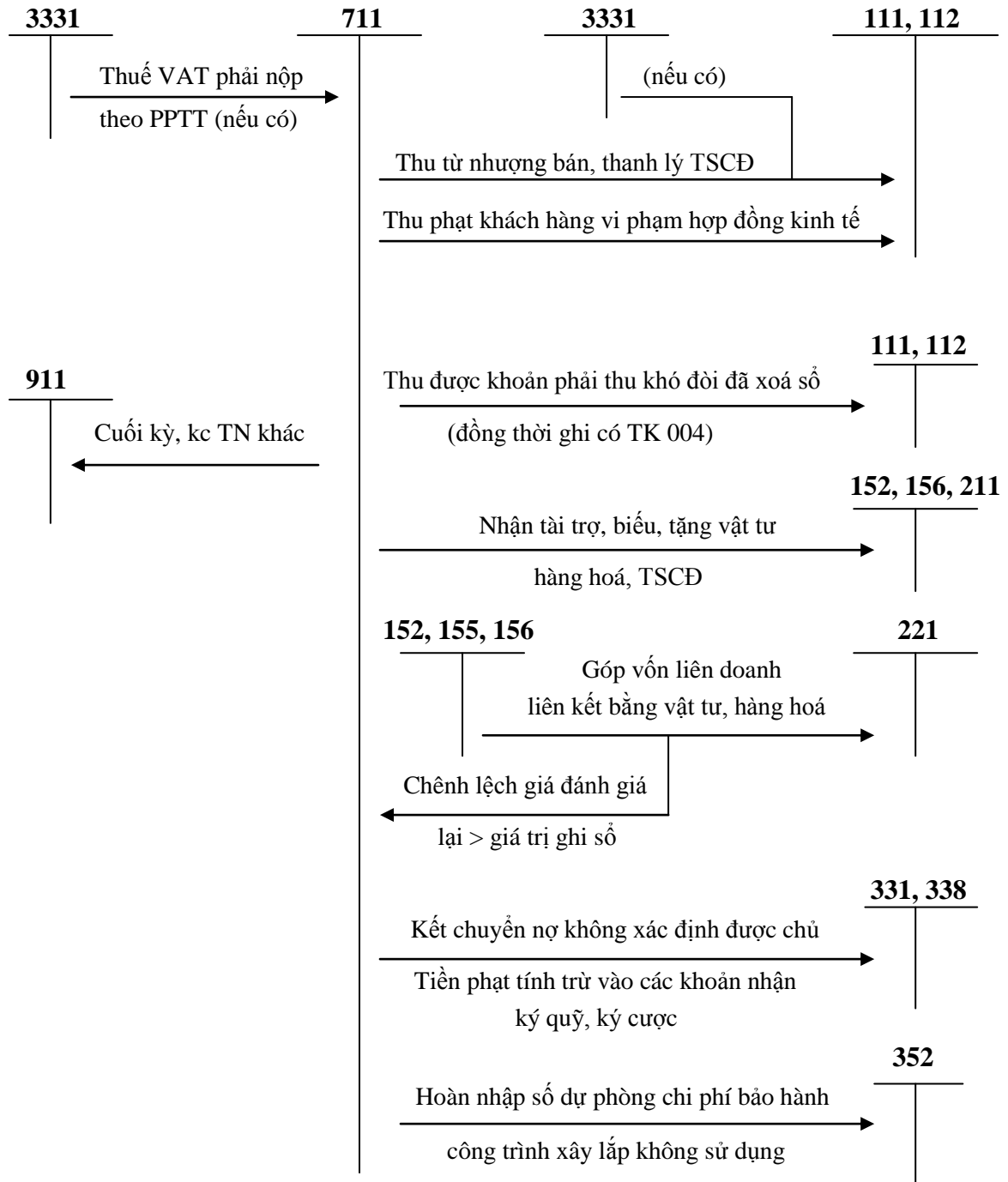
TK 711

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang TK 911	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có
\times	

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3 Quy trình hạch toán

**SƠ ĐỒ 1.8: KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG KHÁC
THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC**



1.2.5 Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

1.2.5.1 Phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại: trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Trong đó:

+ Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo một phương pháp tính giá trị giá hàng tồn kho.

+ Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán: do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan cả đến khối lượng hàng hóa trong kỳ và hàng hóa đầu kỳ, cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ.

Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí mua} \\ \text{hàng phân bổ} \\ \text{cho HH đã} \\ \text{bán} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng của} \\ \text{HH tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí mua hàng của} \\ \text{HH phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của HH tồn cuối kỳ} \\ \text{và HH đã xuất bán trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tiêu chuẩn} \\ \text{phân bổ của} \\ \text{HH đã xuất} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: hàng hóa tồn kho cuối kỳ bao gồm cả hàng hóa tồn trong kho, hàng hóa đã mua nhưng còn đang đi trên đường và hàng gửi bán nhưng chưa được chấp nhận.

1.2.5.2 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

a. *Phương pháp bình quân gia quyền:* theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng HH} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{quân gia quyền} \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

b. Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần đầu tiên).

c. Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

+ Xác định tại thời điểm cuối kỳ: theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

+ Xác định sau mỗi lần nhập: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

d. Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

1.2.5.3 Chứng từ sử dụng

- + Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL)
- + Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT), Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)
- + Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06 - VT)
- + Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

1.2.5.4 Tài khoản sử dụng

- + Tài khoản 156: Hàng hóa
- + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Khoá luận tốt nghiệp

a. Trường hợp DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

TK 632

<ul style="list-style-type: none">- Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ đã bán- Chi phí NVL, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ tự xây dựng, tự chế hoàn thành- Số trích lập dự phòng giảm giá HTK (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá HTK phải lập năm nay > số dự phòng đã lập năm trước)	<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, HH, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước)- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có
✕	

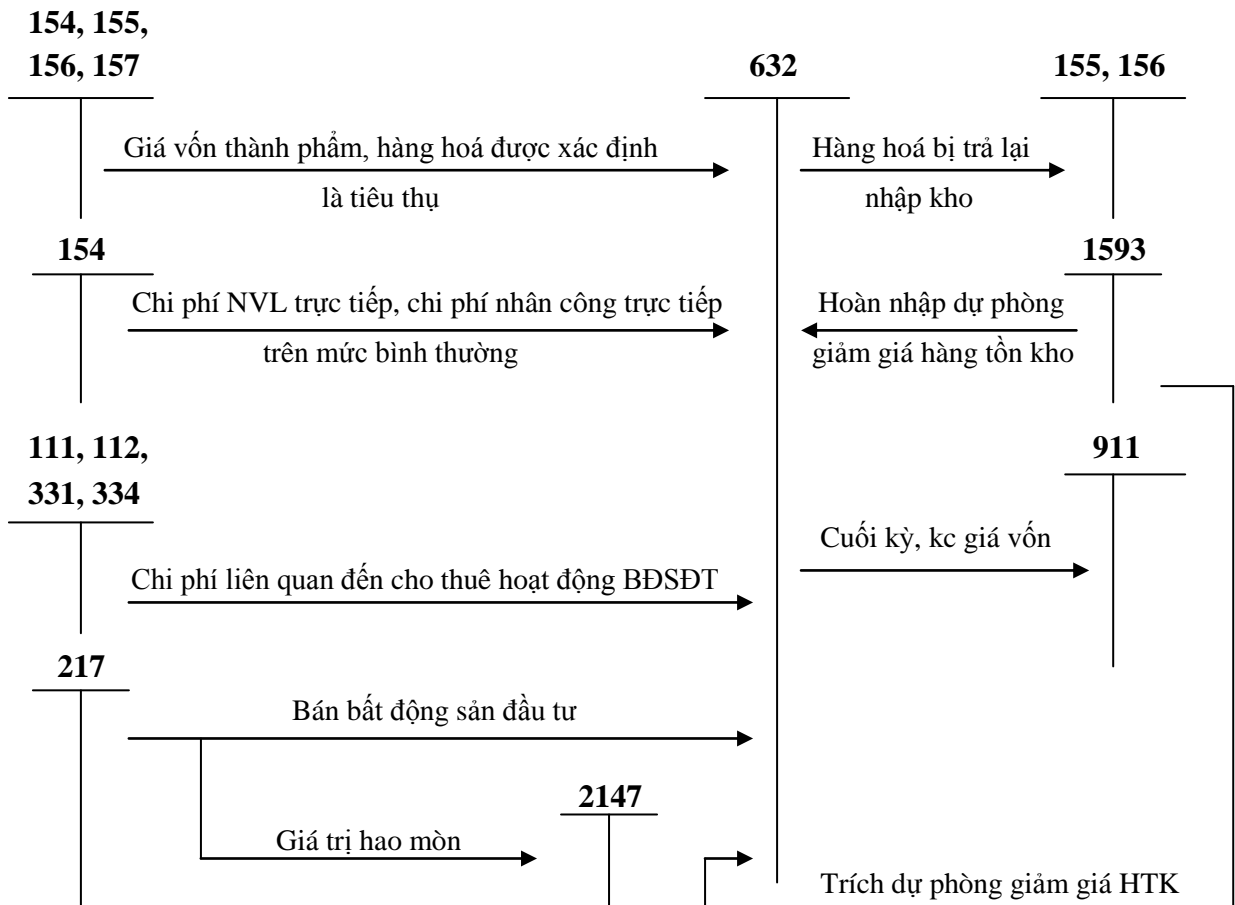
b. Trường hợp DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại)

TK 632

<ul style="list-style-type: none">- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước)	<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ- Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay > số đã lập năm trước)- Kết chuyển giá vốn vào bên Nợ TK 911
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có
✕	

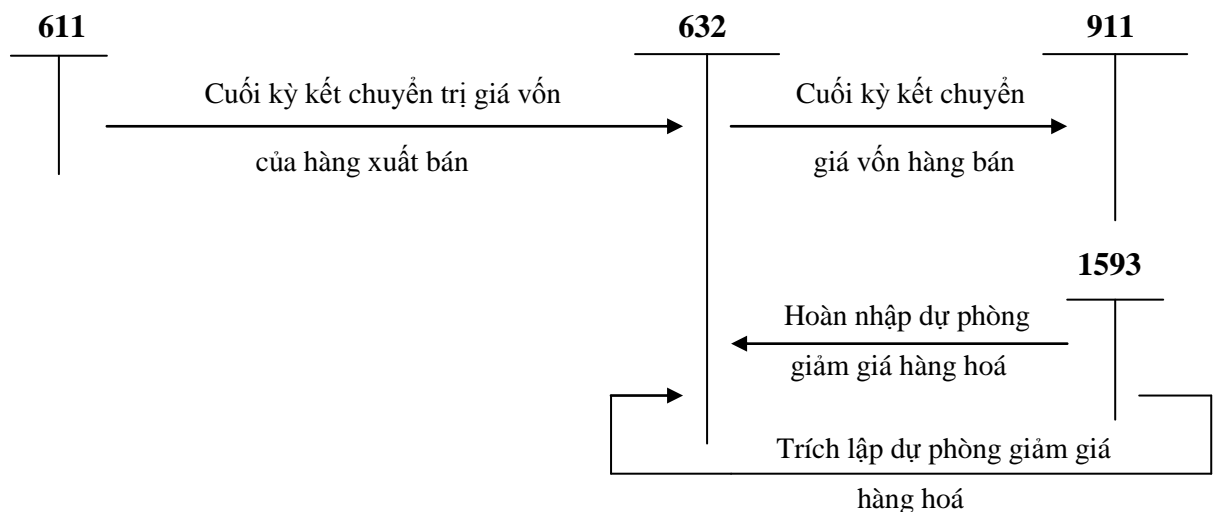
1.2.5.5 Quy trình hạch toán

SƠ ĐỒ 1.9: KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC



SƠ ĐỒ 1.10: KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC

(Đối với doanh nghiệp thương mại)



1.2.6 Tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- + Hợp đồng, cước phí vận tải, hoá đơn GTGT...
- + Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- + Giấy thanh toán tạm ứng (Mẫu số 04 – TT)
- + Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 02 – LĐTL)
- + Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh. Có 2 TK cấp 2:

- TK 6421: Chi phí bán hàng
 - TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133...

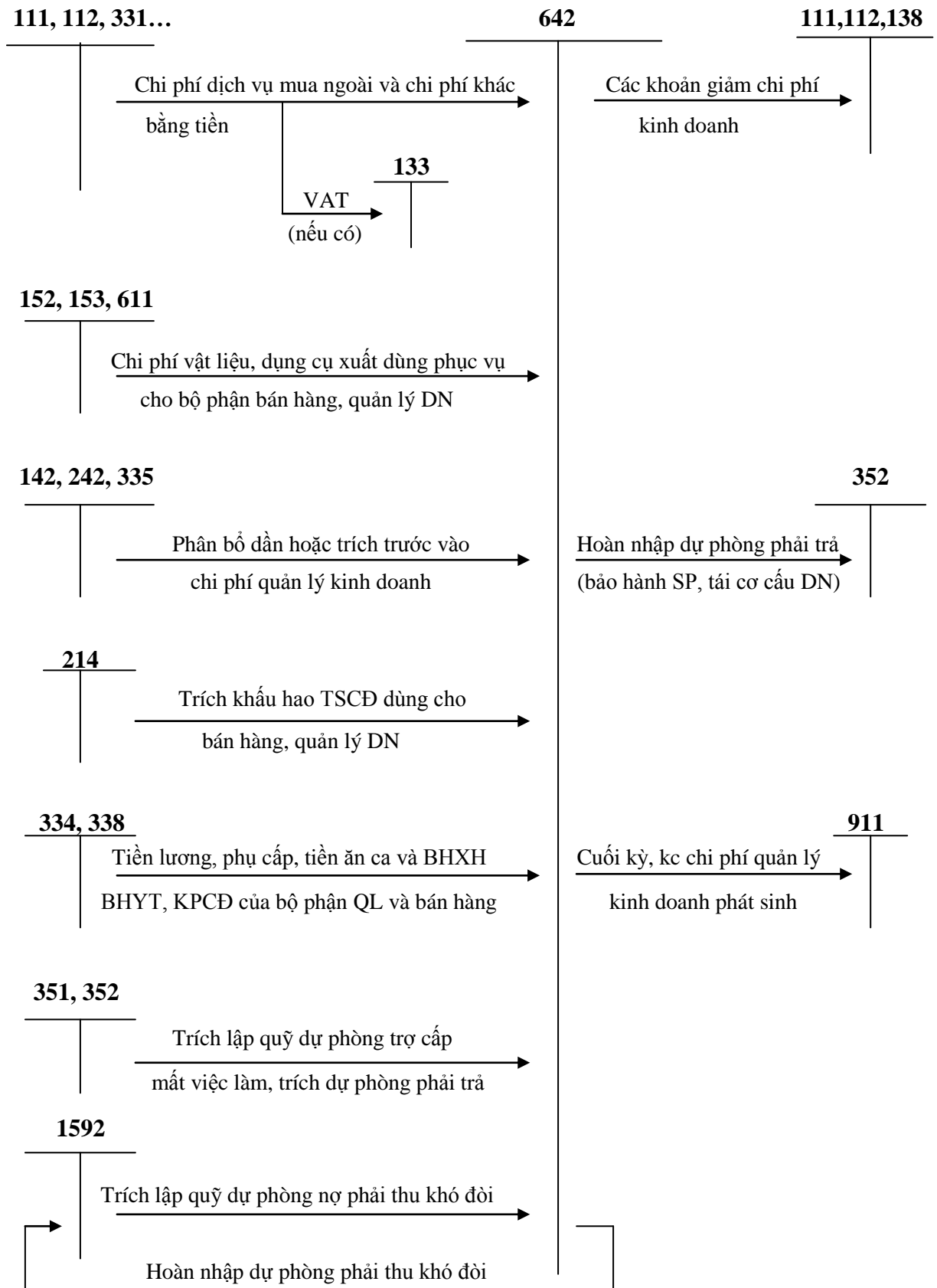
TK 642

Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có
✕	

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3 Quy trình hạch toán

**SƠ ĐỒ 1.11: KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH
THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC**



1.2.7 Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng

- + Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT), hoá đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT-3LL)...
- + Giấy báo nợ
- + Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng

- + TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính
- + Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133...

TK 635

<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính - Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, do bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện) - Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn - Cuối kỳ, kết chuyển chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả KD
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có

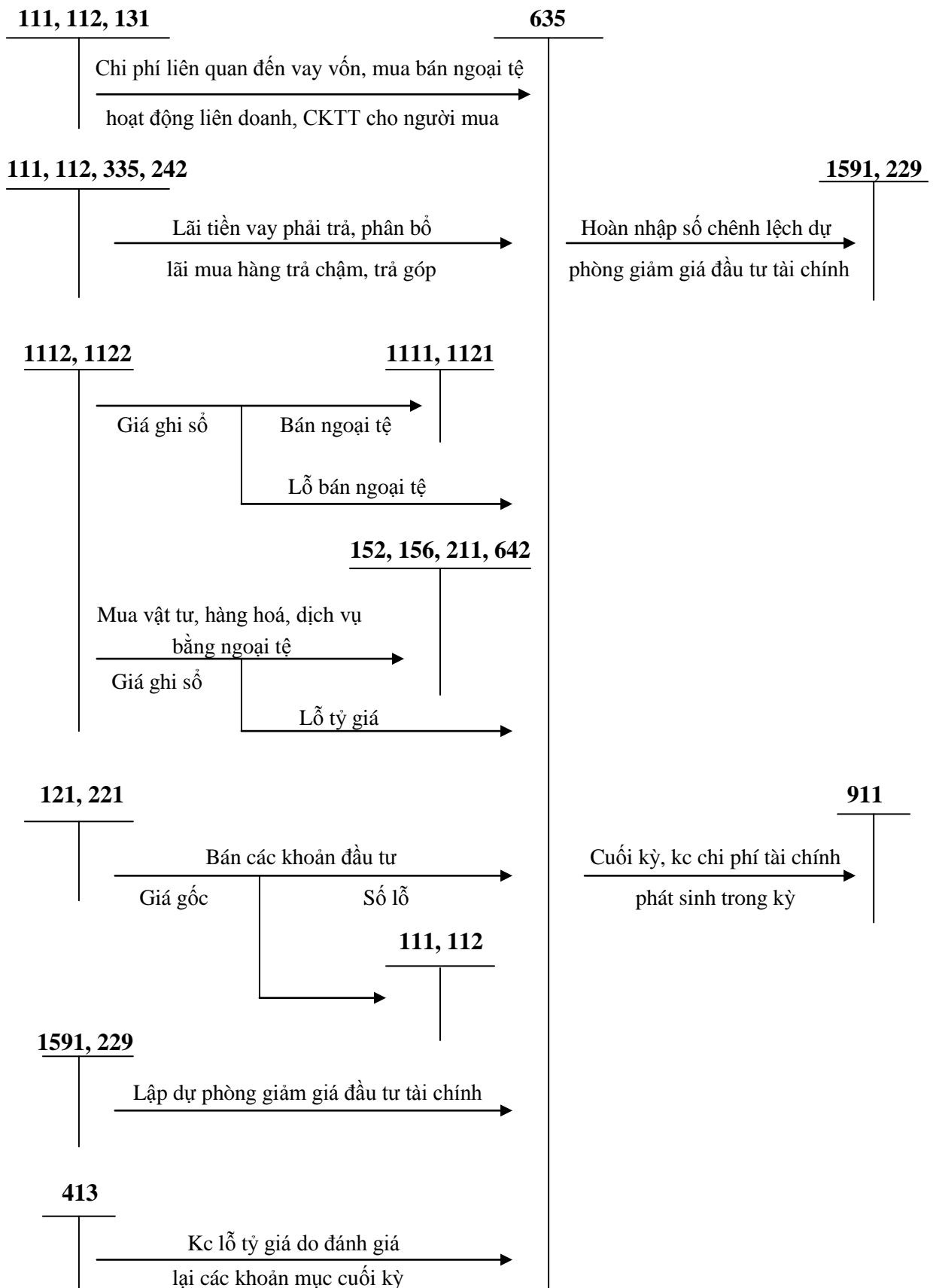


TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.7.3 Quy trình hạch toán

SƠ ĐỒ 1.12:

KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC



1.2.8 Tổ chức công tác kế toán chi phí khác

1.2.8.1 Chứng từ sử dụng

- + Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- + Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ (Mẫu số 02 – TSCĐ)
- + Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

1.2.8.2 Tài khoản sử dụng

- + TK 811 – Chi phí khác

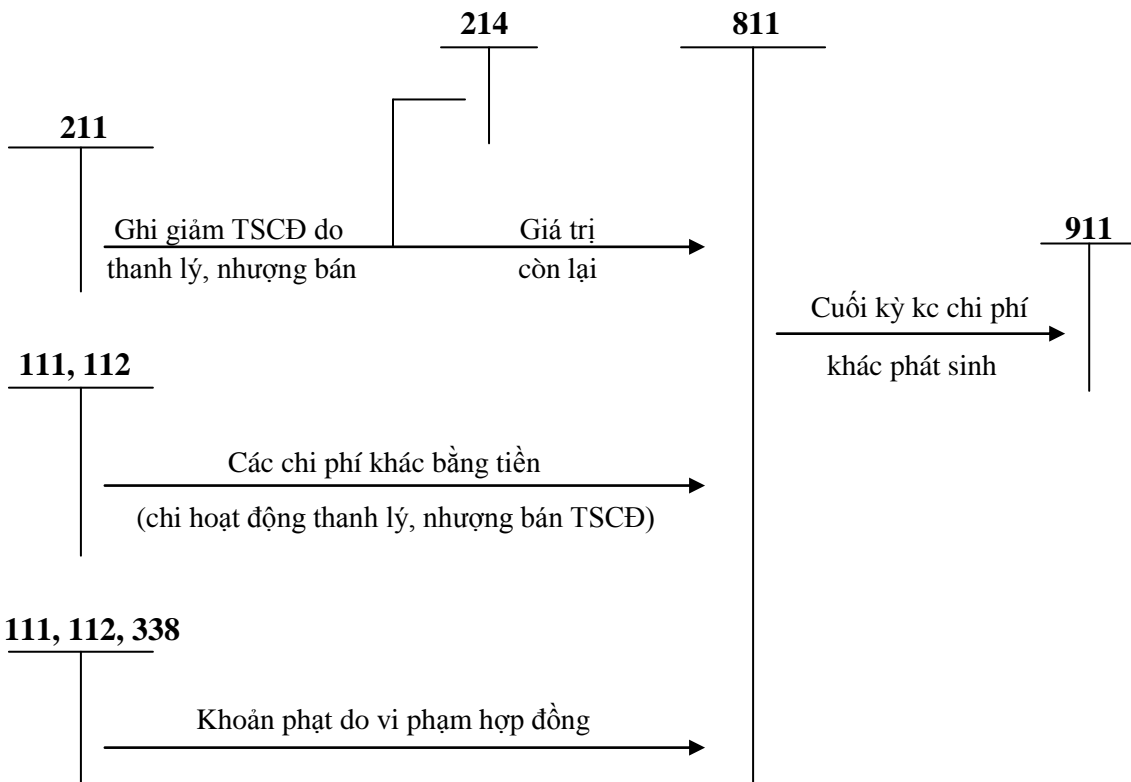
TK 811	
Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác vào TK 911
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có
✕	

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.8.3 Quy trình hạch toán

SƠ ĐỒ 1.13:

KẾ TOÁN CHI PHÍ KHÁC THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC



1.2.9 Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.9.1 Chứng từ sử dụng

- + Phiếu kế toán
- + Và các chứng từ liên quan khác.

1.2.9.2 Tài khoản sử dụng

- + TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- + TK 821 – Chi phí thuế TNDN
- + TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- + Các TK khác có liên quan

TK 911

<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, BĐSĐT đã bán và dịch vụ đã cung cấp - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác, chi phí quản lý kinh doanh - Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, BĐSĐT và dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác - Kết chuyển lỗ
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có



TK 911 không có số dư cuối kỳ

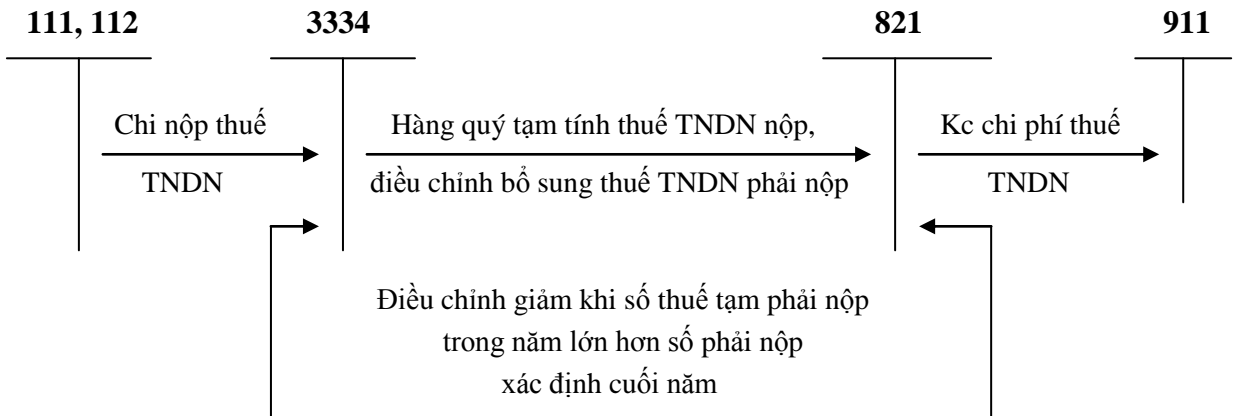
TK 421

<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của DN - Trích lập các quỹ của DN - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của DN trong kỳ - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh
Σ SPS Nợ	Σ SPS Có
SDCK: số lỗ HĐKD chưa lũy kế	SDCK: số lợi nhuận chưa phân phối

1.2.9.3 Quy trình hạch toán

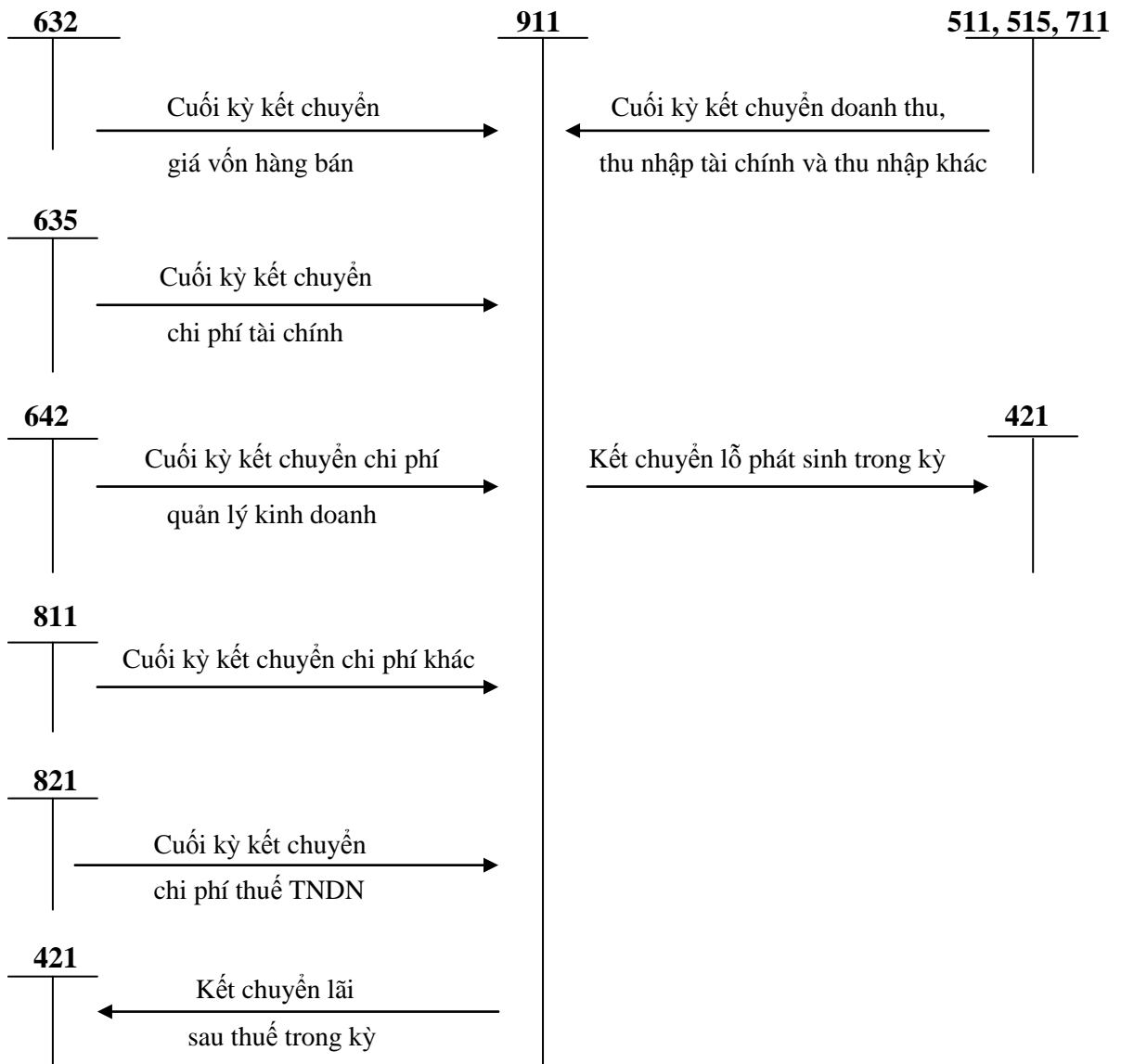
SƠ ĐỒ 1.14: KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC



SƠ ĐỒ 1.15: KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

THEO QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC



1.3 Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.3.1 Các hình thức sổ kế toán

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

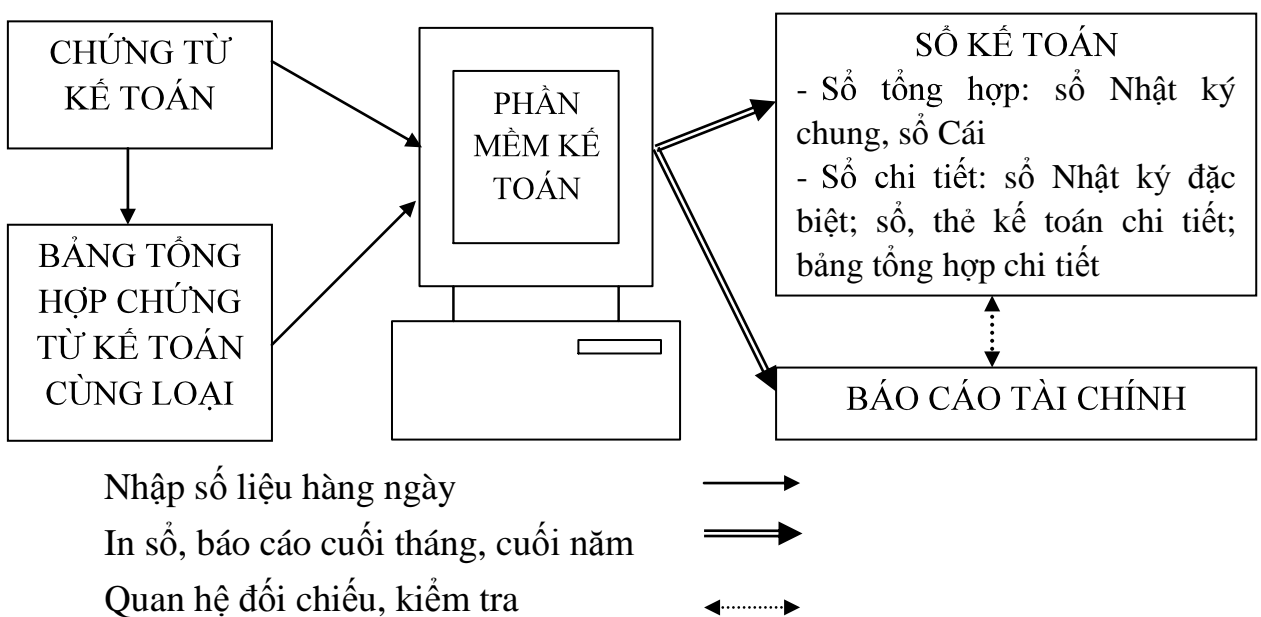
1.3.2 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Để dễ dàng cho việc so sánh, em xin đưa ra hình thức kế toán mà hiện tại công ty TNHH Thương Mại Hương Giang đang áp dụng - hình thức kế toán trên máy vi tính.

✓ Đặc trưng cơ bản: hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

✓ Các loại sổ: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯƠNG GIANG

2.1 GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯƠNG GIANG

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển công ty TNHH TM Hương Giang

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Hương Giang (*HuongGiang Trading Co.,Ltd*) thành lập ngày 14/10/2000 theo giấy chứng nhận đầu tư kinh doanh số 0202000968 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính: Số 537 - Km10 - Đường 5 - Quán Toan - Hải Phòng

Điện thoại: 0313.534666

Fax: 0313.534689

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

Mã số thuế: 0200576859

Công ty sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam. Công ty chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của nhà nước.

Là đại lý Honda uỷ nhiệm tốt nhất tại Thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh, Honda Hương Giang ngày càng đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy chuẩn của Honda Việt Nam và khẳng định thương hiệu uy tín trên thị trường. Ngay từ ngày đầu thành lập, Công ty TNHH TM Hương Giang đã xác định sự phát triển của công ty luôn gắn liền với lợi ích chung của toàn xã hội. Hơn 10 năm hình thành và phát triển, Honda Hương Giang rất vinh dự được phục vụ quý khách hàng với những phương tiện tốt nhất, dịch vụ hoàn hảo nhất của công ty Honda Việt Nam, thương hiệu nổi tiếng trên thế giới về độ bền của động cơ, tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường, an toàn trong khi vận hành và được quý khách hàng tin yêu và nồng nhiệt đón nhận.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

a. Lĩnh vực hoạt động của công ty

- Kinh doanh mua, bán các sản phẩm xe máy do Honda Việt Nam sản xuất.
- Cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng sau bán hàng như: bảo hành, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ... Mỗi cửa hàng bán xe của công ty TNHH Hương

Giang đều là một trung tâm bảo hành, bảo dưỡng sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn của Honda với trang thiết bị hiện đại và đội ngũ kỹ thuật viên được đào tạo chính quy và giàu kinh nghiệm.

b. Nhiệm vụ

- Thực hiện các chế độ và quy định về quản lý vốn, tài sản và các chế độ khác theo pháp luật.
- Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, ngân sách nhà nước.
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán theo quy định của cơ quan cấp trên và đại diện của chủ sở hữu.
- Thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động, từng bước đảm bảo việc làm cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên.
- Thực hiện các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, an ninh.

c. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại nên hoạt động chủ yếu của công ty là mua và bán, mặt hàng chính của công ty là các sản phẩm xe máy Honda. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của mình, công ty đã xây dựng một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp thực hiện việc bán hàng, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng và bảo hành trong trường hợp có vấn đề khi sử dụng. Với việc tổ chức như trên đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

d. Thành tựu đạt được của công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh

- ◆ Về sự biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tài sản			
A. Tài sản ngắn hạn	21.502.275.277	24.492.208.110	27.843.807.207
B. Tài sản dài hạn	4.269.189.653	5.042.502.758	9.398.098.353
Tổng tài sản	25.771.464.930	29.534.710.868	37.241.905.560
Nguồn vốn			
A. Nợ phải trả	9.434.702.726	10.278.230.497	5.832.530.252
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	15.336.762.204	19.256.480.371	31.409.375.308
Tổng nguồn vốn	25.771.464.930	29.534.710.868	37.241.905.560

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau: tổng tài sản và nguồn vốn của công ty có xu hướng tăng lên và tăng mạnh ở năm 2010, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty đã được tăng cường, quy mô được mở rộng, sự ra tăng này sẽ tạo ra nguồn lợi tức trong dài hạn cho công ty.

◆ Về sự biến động của doanh thu:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	126.378.499.400	225.658.102.972	358.241.714.915
Lợi nhuận trước thuế	95.275.126	317.760.067	123.693.569
Thuế TNDN	23.818.782	55.608.012	29.921.591
Lợi nhuận sau thuế	71.456.344	262.252.055	93.771.978

Qua bảng trên ta thấy lợi nhuận của công ty năm 2009 tăng đáng kể so với năm 2008 và 2010. Điều này cho thấy trong năm 2010, công ty chưa có những biện pháp thích hợp trong điều hành quản lý kinh doanh nên đã không giữ được đà tăng trưởng doanh thu. Vì vậy, trong thời gian tới, công ty nên chú trọng đến công tác nghiên cứu thị trường, mở thêm các cửa hàng, chi nhánh, tăng cường công tác quản lý nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, đưa công ty ngày càng phát triển.

e. Thuận lợi, khó khăn

◆ Thuận lợi:

- Là một doanh nghiệp trẻ, được sự giúp đỡ, quan tâm của ban ngành Thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ cán bộ năng động, công ty đã tạo dựng được uy tín và đáp ứng được yêu cầu cần thiết ngày càng lớn của thị trường trong nước.
- Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã đảm bảo quản lý và hạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Cụ thể công ty đã quản lý lao động có trọng tâm và luôn động viên khuyến khích đối với lao động.
- Phòng kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, với đội ngũ kế toán có trình độ cao, năng lực, nhiệt tình và trung thực.

- Công ty đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý, hệ thống tài khoản sử dụng phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp. Việc xử lý thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty.

◆ **Khó khăn:**

- Việc tổng hợp số liệu báo cáo không kịp thời nếu sự phân công công tác kế toán không hợp lý, cho nên mỗi nhân viên kế toán của công ty cần thực hiện đúng chức năng của mình để việc lập báo cáo sẽ thuận lợi hơn.

- Cơ chế thị trường tự do thương mại, hàng hoá trên thị trường ngày càng phong phú, đa dạng.

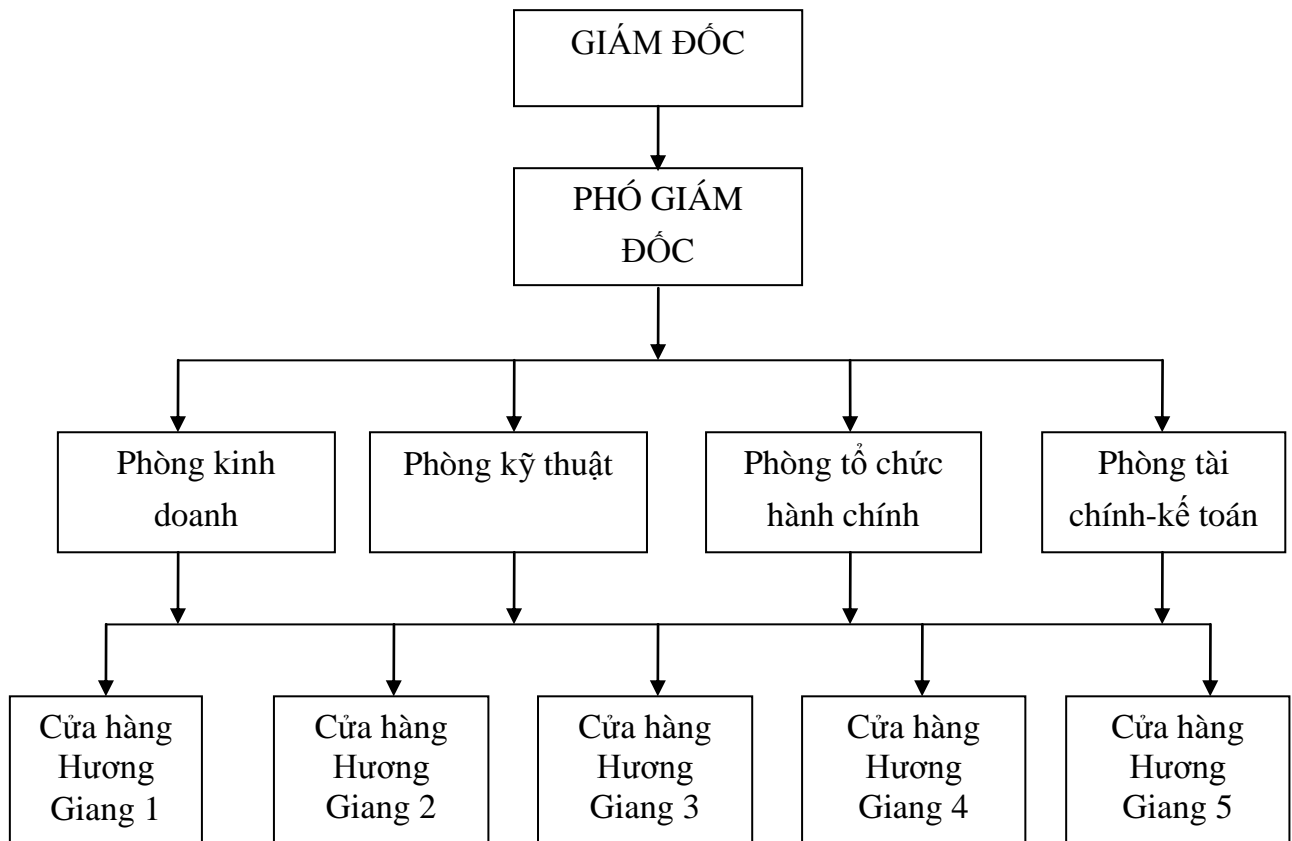
- Giá cả tăng cao, ảnh hưởng của lạm phát, khủng hoảng kinh tế là nhân tố làm giảm sức mua.

- Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty cùng kinh doanh mặt hàng này nên có sự cạnh tranh về giá cả, chất lượng dịch vụ. Do vậy ngoài việc nâng cao về chất lượng, công ty còn đẩy mạnh các hoạt động để mở rộng thị trường, do vậy phải mất một khoản chi phí để phục vụ cho hoạt động này.

2.1.3 Đặc điểm bộ máy tổ chức quản lý của công ty

Công ty TNHH TM Hương Giang là một trong những công ty đang bước vào thời kỳ ổn định và phát triển. Với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, cùng đội ngũ nhân viên được đào tạo có trình độ chuyên môn cao, chủ động sáng tạo trong kinh doanh, nắm bắt nhu cầu của khách hàng đã tạo nền móng vững chắc để công ty có thể cạnh tranh đứng vững trên thị trường.

**SƠ ĐỒ 2.1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA
CÔNG TY TNHH TM HƯƠNG GIANG**



- **Giám đốc:** là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của công ty.

- **Phó giám đốc:** Phó giám đốc là người hỗ trợ giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc, trước Nhà nước về nhiệm vụ của mình được Giám đốc phân công. Phó Giám Đốc có nhiệm vụ thay mặt Giám đốc khi đi vắng hay được Giám đốc uỷ quyền để giải quyết và điều hành công việc công ty, phối hợp các phòng ban trong công ty để lập và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với xu thế của thị trường, quản lý các loại vốn, hạch toán thu tài chính theo đúng chế độ của nhà nước nhằm phục vụ Giám đốc điều hành công ty.

- **Phòng kinh doanh:** giúp Giám đốc hoạch định chiến lược kinh doanh của công ty, tiếp cận thị trường, nắm các thông tin kinh tế kịp thời đưa vào kinh doanh,

ký và thực hiện hợp đồng với khách hàng, phụ trách giới thiệu và bán sản phẩm cho công ty.

- **Phòng kỹ thuật:** phụ trách công tác kỹ thuật, nâng cấp hoặc thay thế máy móc thiết bị của công ty, có trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm và công tác bảo hành sản phẩm.

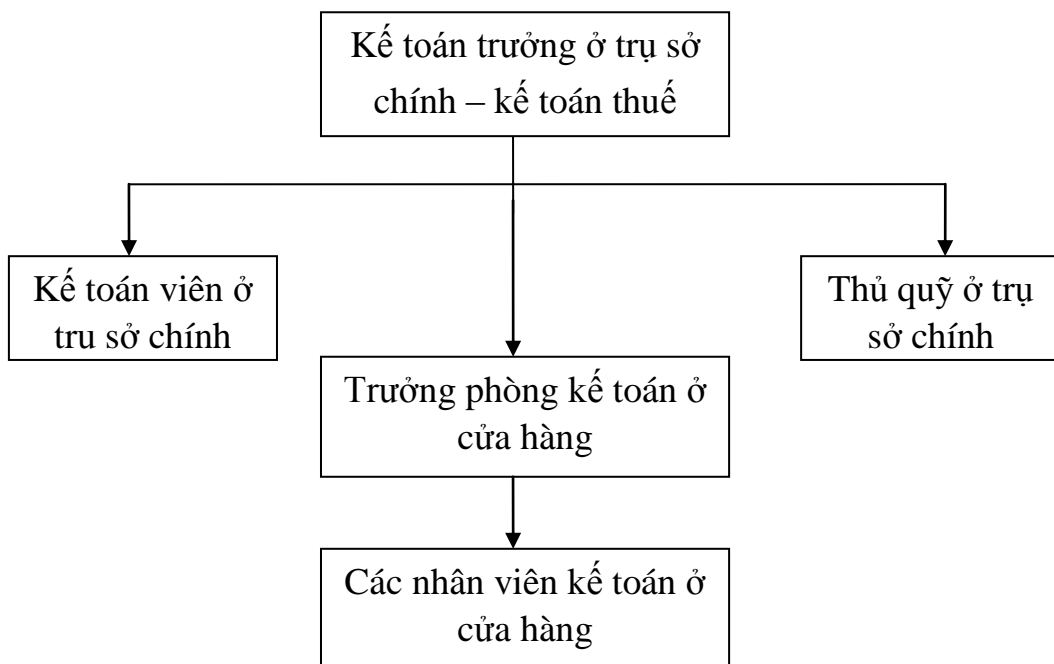
- **Phòng tổ chức hành chính:** tham mưu cho Ban Giám Đốc về tổ chức bộ máy quản lý, nghiên cứu lập kế hoạch hoạt động chung cho toàn công ty, quản lý và tổ chức nhân sự trong công ty, thực hiện các công tác lao động tiền lương, hỗ trợ các phòng ban khác soạn thảo văn bản, công văn, hồ sơ...

- **Phòng tài chính kế toán:** ghi chép phản ánh trung thực, chính xác kịp thời mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, giúp đỡ Giám đốc đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh như (số lượng, doanh thu, lao động, tiền lương, thuế...), thống kê hàng tháng, quý, định kỳ cho ban lãnh đạo, nắm vững tình hình để đề ra phương hướng phát triển, theo dõi tình hình thị trường, thu thập thông tin, báo cáo và đề xuất kịp thời với lãnh đạo công ty.

2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty TNHH TM Hương Giang

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

SƠ ĐỒ 2.2: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN



- **Kế toán trưởng** (đồng thời là kế toán thuế): là người giúp việc cho Giám đốc công ty trong việc chỉ đạo và tổ chức công tác kế toán của công ty. Kế toán trưởng xây dựng kế hoạch, cân đối về tài chính, tổng hợp báo cáo từ các cửa hàng để lập báo cáo tài chính toàn công ty, kê khai thuế và quyết toán thuế với cục thuế theo chế độ quy định.
- **Kế toán viên ở trụ sở chính**: có trách nhiệm bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, TSCĐ, hàng hoá, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ phải thu phải trả...phát sinh tại trụ sở chính.
- **Thủ quỹ ở trụ sở chính**: xuất nhập quỹ tiền mặt theo các chứng từ đã được phê duyệt, quản lý, bảo quản tiền mặt, lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.
- **Trưởng phòng kế toán ở cửa hàng**: có trách nhiệm quản lý công tác kế toán ở cửa hàng, thường xuyên báo cáo tình hình kế toán tại cửa hàng cho kế toán trưởng.
- **Các nhân viên kế toán tại cửa hàng**: có trách nhiệm bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, TSCĐ, hàng hoá, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ phải thu phải trả...phát sinh tại cửa hàng.

2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty

a. Đặc điểm kế toán tại công ty

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.
- Hệ thống tài khoản: công ty sử dụng hệ thống tài khoản do BTC ban hành.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
 - + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc
 - + Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: tính theo giá đích danh
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định áp dụng: Khấu hao đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

b. Chu trình kế toán: được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- Kiểm tra chứng từ: xác định chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

- Hoàn chỉnh chứng từ: ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất, tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

- Luân chuyển chứng từ: tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

- Lưu trữ chứng từ: bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ, có hệ thống và khoa học chứng từ theo đúng quy định.

c. Hệ thống sổ kế toán tại công ty

- Sổ kế toán tổng hợp: sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.

+ Sổ nhật ký chung: dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong kỳ kế toán theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng các tài khoản của các nghiệp vụ đó.

+ Sổ cái các tài khoản: dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán theo các tài khoản kế toán.

- Sổ chi tiết: dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến các đối tượng kế toán cần phải theo dõi chi tiết theo yêu cầu quản lý.

d. Hệ thống tài khoản kế toán

Công ty sử dụng tài khoản loại 1, 2 (phản ánh tài sản), tài khoản loại 3,4 (phản ánh nguồn vốn), tài khoản loại 6,8 (phản ánh chi phí), tài khoản loại 5,7 (phản ánh doanh thu, thu nhập), tài khoản loại 9 (xác định kết quả kinh doanh).

e. Hệ thống báo cáo tài chính

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01 – DNN)

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02 – DNN)

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03 – DNN)

- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09 – DNN)

2.1.5 Đặc điểm hình thức kế toán, phần mềm kế toán áp dụng tại công ty

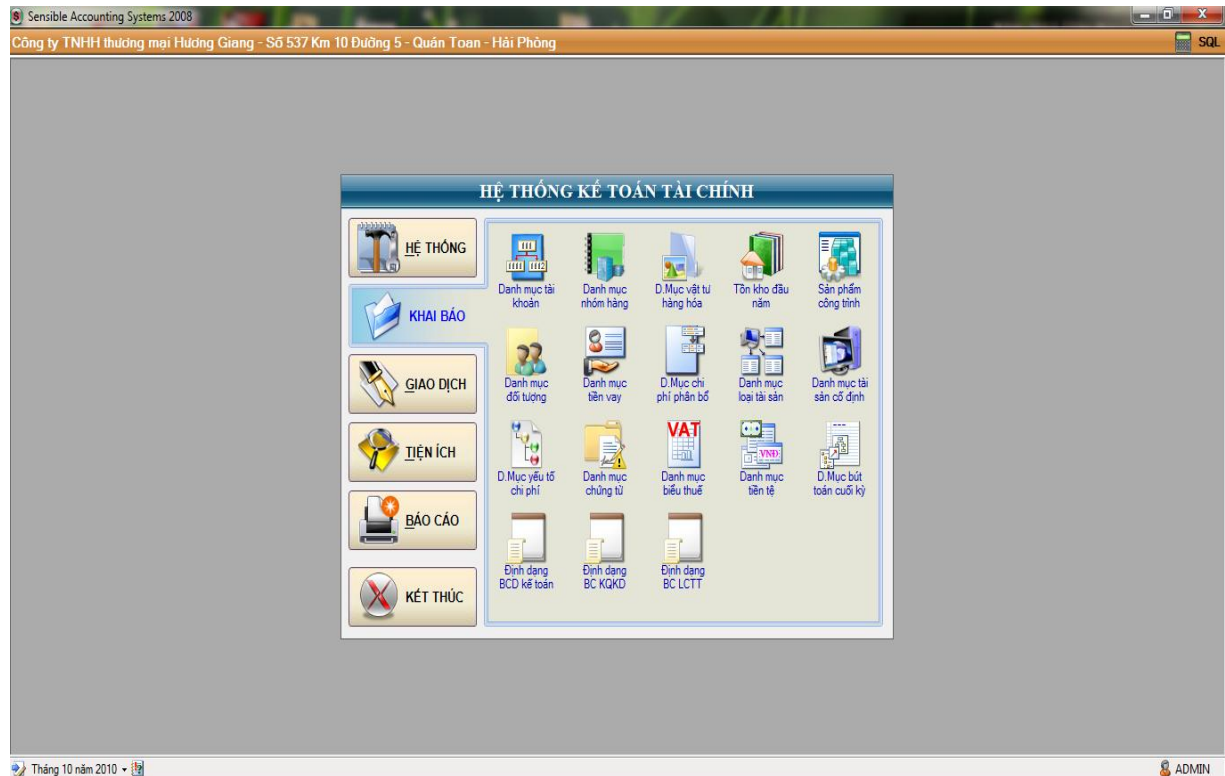
a. Hình thức kế toán tại công ty:

Để đảm bảo việc tổ chức kế toán phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh của công ty, công ty TNHH TM Hương Giang đã lựa chọn hình thức kế toán “Nhật ký chung”.

b. Phần mềm kế toán áp dụng tại công ty

Hiện nay, công ty đang áp dụng phần mềm kế toán Sensible Accounting Systems 2008 để hạch toán các nghiệp vụ kế toán, đồng thời mỗi kế toán cũng tiến hành lập sổ theo dõi trên Excel. Việc vận dụng máy tính trong công ty giúp cho công tác hạch toán, tổng hợp, kiểm tra của kế toán trở nên rất thuận tiện, hiệu quả và chính xác.

Giao diện phần mềm:



◆ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

(1) Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ Nhật ký chung, Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

(2) Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯƠNG GIANG

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1 Đặc điểm kế toán doanh thu tại công ty

- ◆ Phương thức bán hàng, cung cấp dịch vụ: theo phương thức trực tiếp. Hàng ngày căn cứ vào nhu cầu mua hàng của khách hàng, nhân viên bán hàng viết hóa đơn đồng thời thu tiền hàng ngay.
- ◆ Phương thức thanh toán: + trả ngay bằng tiền mặt là phương thức chủ yếu
+ chuyển khoản
- ◆ Đối với hình thức bán xe trả góp, công ty TNHH TM Hương Giang hợp tác với công ty TNHH Một Thành Viên tài chính PPF Việt Nam thực hiện chương trình bán xe trả góp, trong đó công ty TNHH TM Hương Giang chỉ đóng vai trò là đại lý bán xe, các vấn đề liên quan đến thủ tục, hồ sơ, lãi trả góp, việc thanh toán lãi định kỳ... do công ty TNHH MTV tài chính PPF Việt Nam đảm nhiệm.
- ◆ Đối với việc bảo hành, bảo dưỡng xe định kỳ, khi khách hàng đến cửa hàng Hương Giang thực hiện việc bảo dưỡng xe, nhân viên kỹ thuật sẽ giữ lại 1 phiếu bảo dưỡng. Mỗi phiếu bảo dưỡng có giá trị nhất định theo quy định của công ty Honda Việt Nam. Cuối quý, kế toán nộp toàn bộ phiếu bảo dưỡng phát sinh trong quý cho công ty Honda Việt Nam và thực hiện việc thanh toán.

2.2.2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Tài khoản sử dụng:

- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + TK 333 (3331): Thuế GTGT phải nộp
- + TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- + Các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112...

b. Chứng từ sử dụng:

- + Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

Liên 1 (màu tím): được lưu lại quyển hoá đơn

Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng

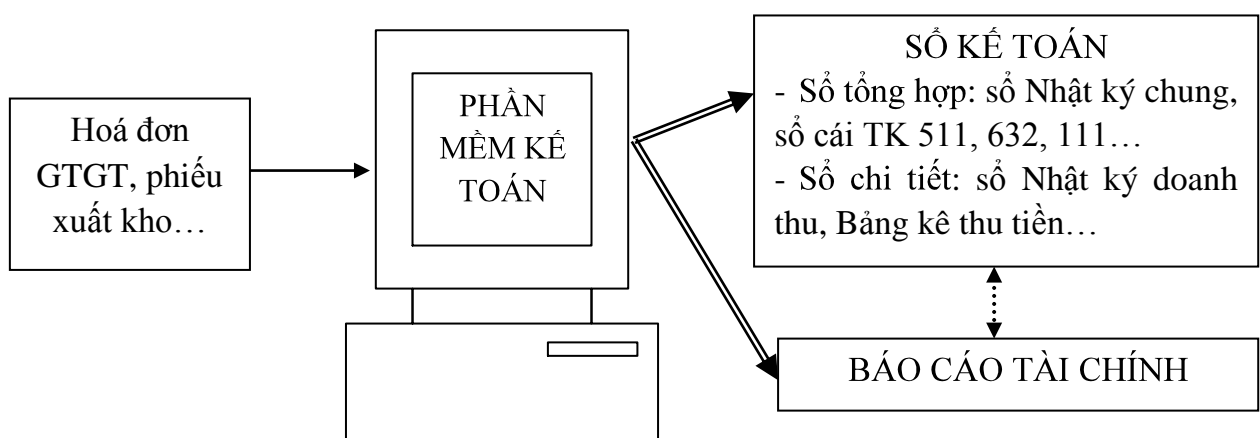
Liên 3 (màu xanh): luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán

- + Phiếu thu về bán hàng
- + Phiếu xuất kho
- + Các chứng từ khác có liên quan

c. Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ nhật ký doanh thu
- + Bảng kê thu tiền
- + Sổ cái TK 111, TK 511....

d. Quy trình hạch toán:



- Nhập số liệu hàng ngày \longrightarrow
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

SƠ ĐỒ 2.3: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1 Đặc điểm kế toán giá vốn tại công ty

- Công ty xuất kho hàng hoá theo phương pháp đích danh.
- Trong quá trình kinh doanh, căn cứ vào thoả thuận mua bán với khách hàng phát sinh tại từng thời điểm sẽ lập phiếu xuất hàng hoá. Khi xuất kho phải xuất đúng chủng loại xe, màu sắc, số khung, số máy.

2.2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn

a. Tài khoản sử dụng:

- + Tài khoản 156: Hàng hóa
- + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

b. Chứng từ sử dụng:

- + Hoá đơn GTGT
- + Phiếu nhập kho
- + Phiếu xuất kho....

c. Sổ sách sử dụng:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ nhật ký nhập/xuất hàng hoá
- + Sổ Cái TK 632, TK 156...

d. Quy trình hạch toán

- + Cuối ngày, kế toán vào phân hệ Tiện ích/ Cập nhật giá xuất kho.
- + Máy tính sẽ tự động tính giá vốn, nhập số liệu vào sổ cái TK 632 và các loại sổ liên quan.

VD 1: Ngày 1/10/2010, xuất bán hàng cho chị Nguyễn Thị Hiền, trị giá 12.181.818 đồng, thuế VAT 10%.

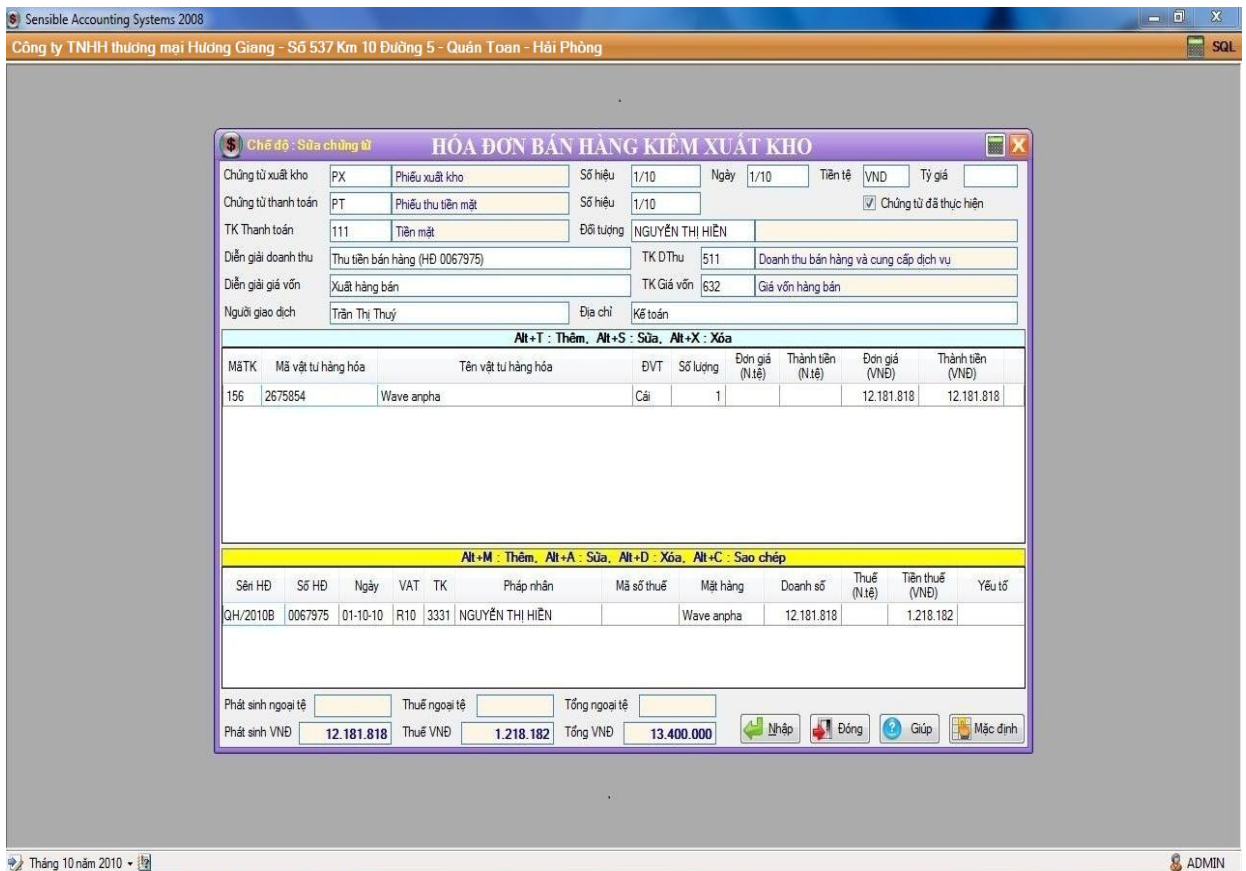
Trình tự nhập số liệu:

- Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phân hệ Giao dịch/ Hoá đơn & xuất kho để ghi nhận doanh thu. Trên cơ sở đó, máy tính sẽ lập phiếu thu số 1/10, lập phiếu xuất kho số 1/10.
- Cuối ngày, kế toán vào phân hệ Tiện ích/ Cập nhật giá xuất kho để tính đơn giá xuất kho hàng hoá.
- Máy tính sẽ tự động chuyển số liệu lên các sổ có liên quan: sổ NKC, SC TK 511, TK 333, TK 111... Kế toán vào phân hệ Báo cáo/ Sổ kế toán tổng hợp để xem sổ NKC và các sổ cái liên quan.

Khoá luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : (Nội bộ) Ngày 01 tháng 10 năm 2010		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL QH/2010B 0067975																																										
Đơn vị bán hàng: Địa chỉ: Số tài khoản: Điện thoại:	CTY TNHH TM HƯƠNG GIANG Số 537 Km 10 Đường 5- Quán Toan- HP MST: 0200576859	MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>																																										
Họ tên người mua hàng: NGUYỄN THỊ HIỀN Tên đơn vị: Địa chỉ: Số 201 Đường Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>																																												
<table border="1"><thead><tr><th>STT</th><th>Tên hàng hoá, dịch vụ</th><th>Đơn vị tính</th><th>Số lượng</th><th>Đơn giá</th><th>Thành tiền</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Xe Honda Wave Anpha SK: 175798 SM: 2675854</td><td>Cái</td><td>1</td><td>12.181.818</td><td>12.181.818</td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></tbody></table>	STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	Xe Honda Wave Anpha SK: 175798 SM: 2675854	Cái	1	12.181.818	12.181.818																															Cộng tiền hàng: 12.181.818	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																							
1	Xe Honda Wave Anpha SK: 175798 SM: 2675854	Cái	1	12.181.818	12.181.818																																							
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT: 1.218.182																																										
		Tổng cộng tiền thanh toán: 13.400.000																																										
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn																																												
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>																																										
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)																																												

Biểu số 2.1: Hoá đơn GTGT



Công ty TNHH thương mại Hương Giang
Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP

Nợ 111: 13.400.000
Có 511: 12.181.818
Có 3331: 1.218.182

PHIẾU THU

Số : 1/10

Ngày 1 tháng 10 năm 2010

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Thị Hiền*

Địa chỉ: *Số 201 Đường Trần Nguyễn Hãn – Lê Chân - HP*

Lý do nộp: *Mua xe Honda Wave anpha*

Số tiền: **13.400.000 đồng**

(Viết bằng chữ) *Mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn*

Chứng từ kèm theo: *Hoá đơn QH/ 2010B 0067975*

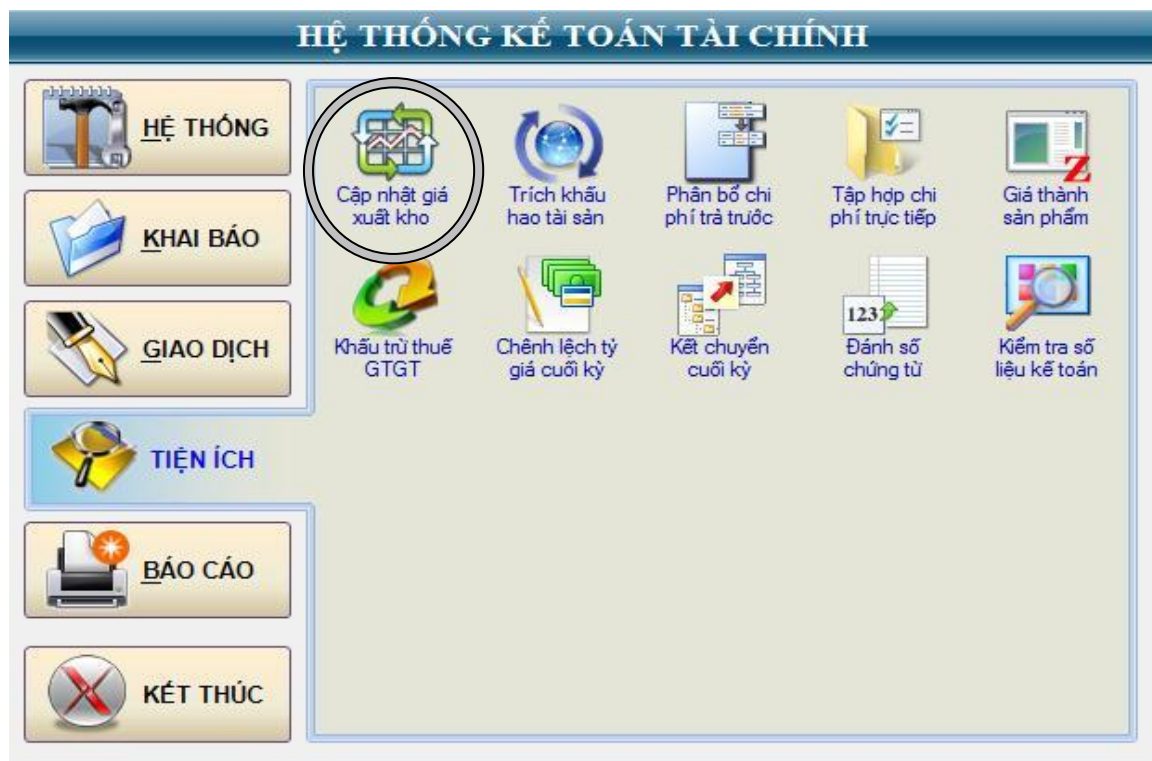
Đã nhận đủ số tiền: *Mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn*

(viết bằng chữ)

Ngày 1 tháng 10 năm 2010

Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	---------------------------------------	---	---

Biểu số 2.2: Phiếu thu



Công ty TNHH thương mại Hương Giang
Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP

Nợ 632: 11.852.818
Có 156: 11.852.818

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 1/10

Ngày 1 tháng 10 năm 2010

Họ tên người nhận hàng: Trần Thị Thuý

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do xuất: Xuất hàng bán

Xuất tại kho: Kho công ty

T	Tên, nhãn hiệu, quy cách hàng hoá	Mã số	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Wave anpha 2675854	2675854	cái	1	11.852.818	11.852.818
Cộng						11.852.818

Ngày 1 tháng 10 năm 2010

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3: Phiếu xuất kho

VD 2: Ngày 19/10/2010, anh Nguyễn Văn Vinh mua xe Honda Future X theo hình thức mua trả góp, trị giá xe theo giá trả tiền ngay 19.727.273 đồng, thuế VAT 10%. Anh Vinh trả trước cho công ty TNHH TM Hương Giang 10.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu, anh Vinh ký hợp đồng mua xe trả góp với công ty TNHH MTV TC PPF Việt Nam và công ty PPF chuyển khoản trả tiền ngay cho công ty TNHH TM Hương Giang. Đồng thời, anh Vinh sẽ phải thực hiện đúng theo hợp đồng đã được ký giữa anh Vinh và công ty TNHH MTV tài chính PPF Việt Nam.
Kế toán định khoản:

Nợ TK 131:	21.700.000	Nợ TK 632:	19.480.545
Có TK 511:	19.727.273	Có TK 156:	19.480.545
Có TK 3331:	1.972.727		

Nhận tiền khách hàng ứng trước:

Nợ TK 111:	10.000.000
Có TK 131:	10.000.000

Nhận tiền chuyển khoản từ công ty TNHH MTV tài chính PPF Việt Nam:

Nợ TK 112:	11.700.000
Có TK 131:	11.700.000

Trình tự nhập số liệu:

- Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phân hệ Giao dịch/ Hoá đơn & xuất kho để ghi nhận doanh thu. Trên cơ sở đó, máy tính sẽ lập phiếu kế toán 97/10, lập phiếu xuất kho số 104/10
- Khi nhận số tiền ứng trước của khách hàng, kế toán vào phân hệ Giao dịch/ Phiếu thu tiền mặt để lập phiếu thu 115/10.
- Khi nhận được chứng từ giao dịch của ngân hàng thông báo công ty TNHH MTV Tài chính PPF Việt Nam đã trả tiền hàng, kế toán vào phân hệ Giao dịch/ Giấy báo có ngân hàng để phản ánh số liệu.
- Cuối ngày, kế toán vào phân hệ Tiện ích/ Cập nhật giá xuất kho để tính đơn giá xuất kho hàng hoá.
- Máy tính sẽ tự động chuyển số liệu lên các sổ có liên quan: sổ NKC, SC TK 511, TK 333, TK 111...
- Kế toán vào phân hệ Báo cáo/ Sổ kế toán tổng hợp để xem sổ NKC và các sổ cái liên quan.

Khoá luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QH/2010B			
Liên 3 : (Nội bộ)		0068062			
Ngày 19 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng:	CTY TNHH TM HƯƠNG GIANG Số 537 Km 10 Đường 5- Quán Toan- HP MST: 0200576859				
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:	MS: [][] [][][][][][] [][][][][]	[][]	[][][][][]		
Họ tên người mua hàng: NGUYỄN VĂN VINH					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: Số 35 Quang Trung – Tiên Yên – Quảng Ninh					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:	MS:	[][] [][][][][][]	[][] [][][][]		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe máy Honda Future X	Cái	1	19.727.273	19.727.273
	SK: 006891				
	SM: 3232656				
Cộng tiền hàng:				19.727.273	
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		1.972.727	
Tổng cộng tiền thanh toán:				21.700.000	
Số tiền viết bằng chữ: Hai một triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.4: Hoá đơn GTGT

Khoá luận tốt nghiệp

Sensible Accounting Systems 2008
 Công ty TNHH thương mại Hương Giang - Số 537 Km 10 Đường 5 - Quán Toan - Hải Phòng

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG KIỂM XUẤT KHO

Chứng từ xuất kho: PX | Phiếu xuất kho | Số hiệu: 104/10 | Ngày: 19/10 | Tiền tệ: VND | Tỷ giá:

Chứng từ thanh toán: PKT | Phiếu kế toán | Số hiệu: 97/10 | Chứng từ đã thực hiện

TK Thanh toán: 131 | Phải thu khách hàng | Đối tượng: NGUYỄN VĂN VINH

Diễn giải doanh thu: Thu tiền bán hàng (HĐ 0068062) | TK D Thu: 511 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Diễn giải giá vốn: Xuất hàng bán | TK Giá vốn: 632 | Giá vốn hàng bán

Người giao dịch: TRẦN THỊ THUYẾT | Địa chỉ: KẾ TOÁN

Alt+T : Thêm, Alt+S : Sửa, Alt+X : Xóa

MãTK	Mã vật tư hàng hóa	Tên vật tư hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (N.tê)	Thành tiền (N.tê)	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
156	3232656	Future X 3232656	cái	1			19.727.273	19.727.273

Alt+M : Thêm, Alt+A : Sửa, Alt+D : Xóa, Alt+C : Sao chép

Sên HD	Số HD	Ngày	VAT	TK	Pháp nhân	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số	Thuế (N.tê)	Tiền thuế (VND)	Yếu tố
QH/2010B	0068062	19-10-10	R10	3331	NGUYỄN VĂN VINH		Future X	19.727.273		1.972.727	

Phát sinh ngoại tệ: | Thuế ngoại tệ: | Tổng ngoại tệ:

Phát sinh VND: | Thuế VND: | Tổng VND:

Nhập | Đóng | Giúp | Mặc định

Tháng 10 năm 2010 | ADMIN

Công ty TNHH thương mại Hương Giang
Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 97/10

Ngày 19 tháng 10 năm 2010

Diễn giải: Anh Nguyễn Văn Vinh nợ tiền mua hàng

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số phát sinh
Xe máy Honda Future X 3232656	131	511	19.727.273
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	1.972.727
Cộng			21.700.000

Kèm HĐ: QH/2010B 0068062

Người lập
 (ký, họ tên)

Kế toán
 (ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Phiếu kế toán

Khoá luận tốt nghiệp

Sau khi nhận số tiền khách hàng trả trước, kế toán nhập số liệu vào phần mềm, lập phiếu thu 115/10.

Công ty TNHH thương mại Hương Giang Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP	Nợ 111: 10.000.000 Có 131: 10.000.000			
<div style="border: 1px solid black; display: inline-block; padding: 5px;">PHIẾU THU</div>	<i>Số : 115/10</i>			
Ngày 19 tháng 10 năm 2010				
Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Vinh				
Địa chỉ: Số 35 Quang Trung – Tiên Yên – Quảng Ninh				
Lý do nộp: Mua xe Honda Future X (hình thức trả góp)				
Số tiền: 10.000.000 đồng				
(Viết bằng chữ) Mười triệu đồng chẵn				
Chứng từ kèm theo: Hoá đơn QH/2010B 0068062				
Đã nhận đủ số tiền: Mười triệu đồng chẵn				
(viết bằng chữ)				
Ngày 19 tháng 10 năm 2010				
Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.6: Phiếu thu

Sau khi khách hàng ký hợp đồng với công ty TNHH MTV tài chính PPF Việt Nam, công ty TNHH MTV tài chính PPF Việt Nam chuyển khoản trả số tiền còn thiếu cho công ty TNHH TM Hương Giang.



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Chi nhánh: Lê Chân – Hải Phòng

MST: 0200116474-1

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 211211A000000133

Tên khách hàng (Customer name): Cty TNHH TM Hương Giang Địa chỉ: MST của KH: 0200576859	Ngày giao dịch (Date): 19/10/2010
--	---

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

- Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau
(We have debited the following amount from your account/or received by cash)
- Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau
(We have credited the following amount from your account/or paid by cash)

Diễn giải (Description)	Nhận tiền đến nhập vào tài khoản		
Số TK (A/C No.)	2112201016129	Số GD (Ref)	2112OTT111000091

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)		Diễn giải (Remark)
Nhận tiền	VNĐ	11.700.000	
Phí chuyển tiền	VNĐ		Rate (%): 0
VAT	VNĐ		
Customer a/c	VNĐ	11.700.000	

Lập lệnh: CTY TNHH MTV TÀI CHÍNH PPF VIỆT NAM
Người hưởng: CTY TNHH TM HƯƠNG GIANG
Mã số người hưởng:
Nội dung: NHẬN TIỀN BÁN HÀNG

Người in: Nguyễn T.Thanh Xuân

Ngày in: 19/10/2010

Giờ in: 15:23:50

Tel: 123

Fax: 123

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc
	<i>(đã ký)</i>		

Biểu số 2.7: Chứng từ ngân hàng

Công ty TNHH thương mại Hương Giang
Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP

Nợ 632: 19.480.545
Có 156: 19.480.545

PHIẾU XUẤT KHO

Số : 104/10

Ngày 19 tháng 10 năm 2010

Họ tên người nhận hàng: Trần Thị Thuý

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do xuất: Xuất hàng bán

Xuất tại kho: Kho công ty

T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách hàng hoá	Mã số	ĐV T	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Future X 3232656	3232656	Cái	1	19.480.545	19.480.545
Cộng						19.480.545

Ngày 19 tháng 10 năm 2010

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

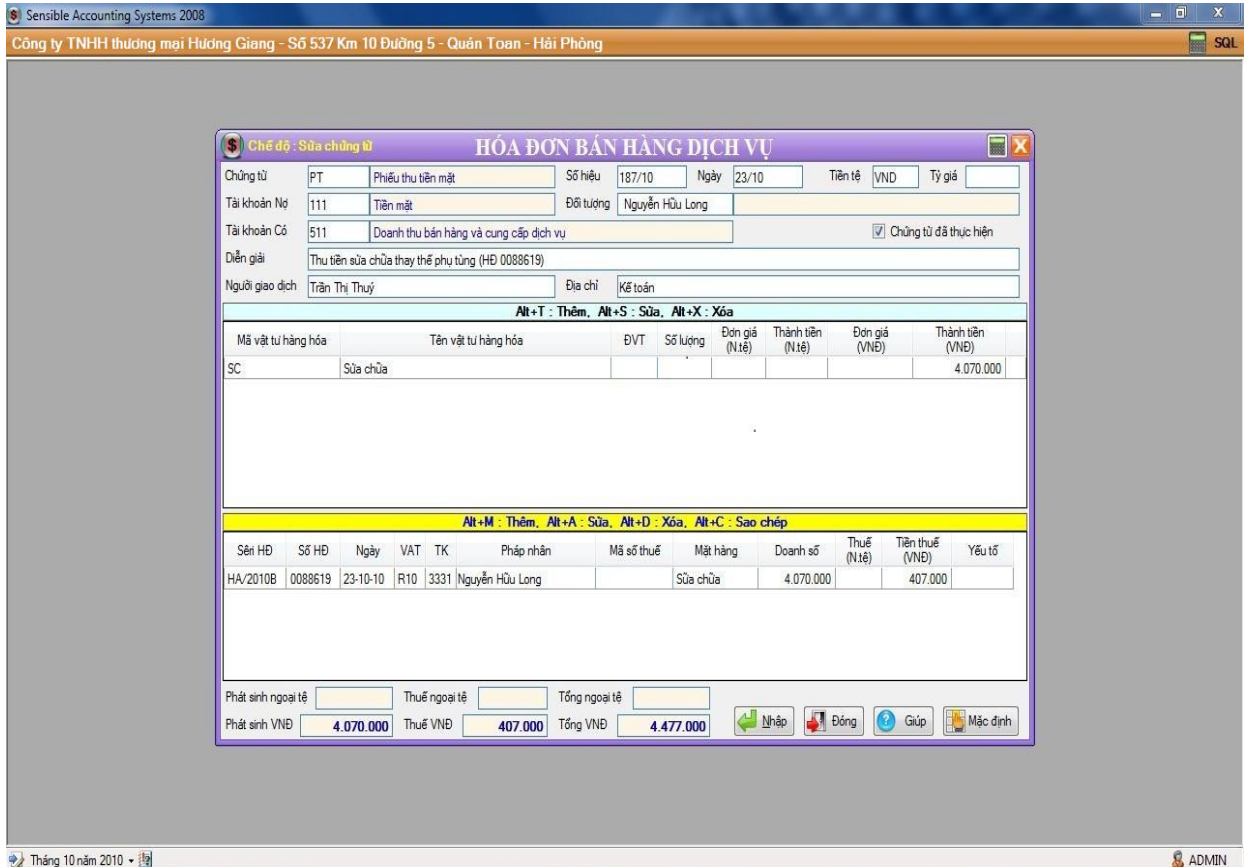
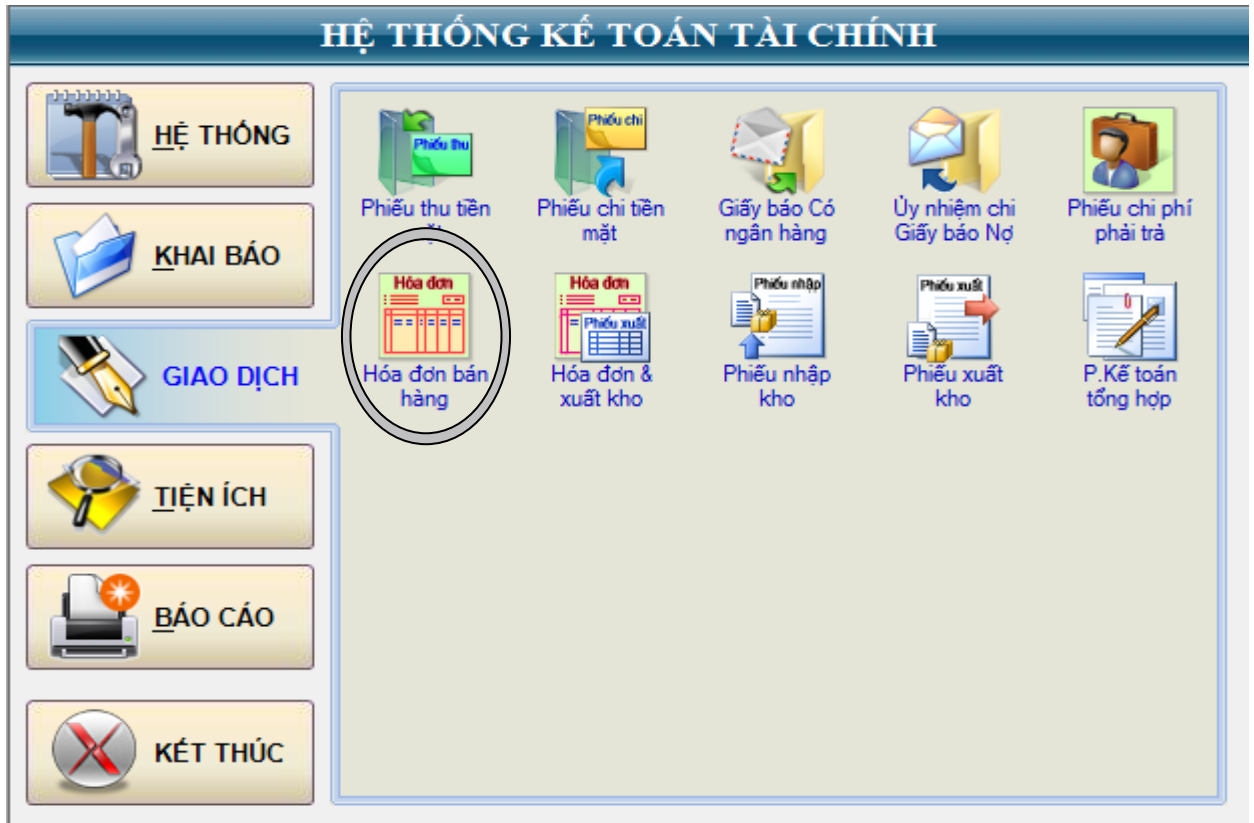
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

VD 3: Ngày 23/10/2010, thu tiền sửa chữa thay thế phụ tùng của anh Nguyễn Hữu Long, số tiền 4.070.000 đồng, thuế VAT 10%.

Trình tự nhập số liệu:

- Khi phát sinh nghiệp vụ, kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phân hệ Giao dịch/ Hoá đơn bán hàng để ghi nhận doanh thu dịch vụ. Trên cơ sở đó, máy tính sẽ lập phiếu thu số 187/10.
- Máy tính sẽ tự động chuyển số liệu lên các sổ có liên quan: sổ NKC, SC TK 511, TK 111...
- Kế toán vào phân hệ Báo cáo/ Sổ kế toán tổng hợp để xem sổ NKC và các sổ cái liên quan.



Công ty TNHH thương mại Hương Giang
Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP

Nợ 111: 4.477.000
Có 511: 4.070.000
Có 3331: 407.000

PHIẾU THU

Số : 187/10

Ngày 23 tháng 10 năm 2010

Họ tên người nộp tiền: *Nguyễn Hữu Long*

Địa chỉ: *Số 130 Trường Chinh - Kiến An - HP*

Lý do nộp: *Thu tiền sửa chữa thay thế phụ tùng*

Số tiền: **4.477.000 đồng**

(Viết bằng chữ) *Bốn triệu bốn trăm bảy bảy ngàn đồng chẵn*

Chứng từ kèm theo: Hoá đơn HA/2010B 0088619

Đã nhận đủ số tiền: *Bốn triệu bốn trăm bảy bảy ngàn đồng chẵn*

(viết bằng chữ)

Ngày 23 tháng 10 năm 2010

Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	---------------------------------------	---	---

Biểu số 2.10: Phiếu thu

SỔ NHẬT KÝ DOANH THU

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiền hàng	Thuế GTGT
Số hiệu	Ngày tháng							
...
HĐGTGT 0067975	01/10	Thu tiền bán hàng Xe Wave anpha 2675854	111	01	12.181.818	12.181.818	12.181.818	1.218.182
...
HĐGTGT 0067995	04/10	Thu tiền bán hàng Xe Click 0244910	111	01	22.818.182	22.818.182	22.818.182	2.281.818
HĐGTGT 0068028	09/10	Thu tiền bán hàng Xe Dream 1353906	111	01	15.000.000	15.000.000	15.000.000	1.500.000
HĐGTGT 0068062	19/10	Thu tiền bán hàng Xe Future X 3232656	131	01	19.727.273	19.727.273	19.727.273	1.972.727
...
HĐGTGT 0088619	23/10	Thu tiền sửa chữa thay thế phụ tùng	111			4.070.000	4.070.000	407.000
...
		Cộng SPS T10/2010					8.010.081.353	801.008.135

Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký doanh thu

Khoá luận tốt nghiệp

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
....
PT 1/10	1/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0067975)	111 511 3331	13.400.000	12.181.818 1.218.182
PXK 1/10	1/10	Giá vốn	632 156	11.852.818	11.852.818
PC 4/10	1/10	Chi trả tiền mua USB Kington 8G	642 133 111	409.091 40.909	450.000
PC 12/10	3/10	Nộp tiền vào TK NH Đầu tư & PT HP	112 111	433.804.000	433.804.000
PKT 55/10	8/10	Công ty TNHH TM & DV Nam Thịnh nợ tiền mua hàng	131 511 3331	58.100.000	52.818.182 5.281.818
PXK 57/10	8/10	Giá vốn	632 156	52.519.483	52.519.483
GBC 6/10	8/10	Công ty TNHH TM & DV Nam Thịnh trả tiền mua hàng	1121 131	40.000.000	40.000.000
....
PKT 97/10	19/10	Nguyễn Văn Vinh nợ tiền hàng (HĐ 0068062)	131 511 3331	21.700.000	19.727.273 1.972.727
PXK 104/10	19/10	Giá vốn	632 156	19.480.545	19.480.545
PT 115/10	19/10	Nguyễn Văn Vinh trả trước tiền hàng	111 131	10.000.000	10.000.000
GBC 17/10	19/10	Công ty TNHH MTV tài chính PPF trả tiền	112 131	11.700.000	11.700.000
....

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
....
PT 187/10	23/10	Thu tiền sửa chữa thay thế phụ tùng (HĐ 0088619)	111 511 3331	4.477.000	4.070.00 407.000
....
PKT 118/10	24/10	Nợ tiền mua hàng công ty Honda VN	156 133 331	222.442.728 22.244.272	244.687.000
....
GBN 43/10	25/10	Thanh toán tiền hàng công ty Honda VN	331 112	1.000.000.000	1.000.000.000
....
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển doanh thu BH & cung cấp DV	511 911	8.010.081.353	8.010.081.353
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515 911	4.372.703	4.372.703
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển giá vốn	911 632	7.761.016.825	7.761.016.825
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển chi phí quản lý	911 642	228.727.834	228.727.834
PKT 195/10	31/10	Xác định thuế TNDN tạm tính T10	821 3334	6.177.349	6.177.349
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển thuế TNDN	911 821	6.177.349	6.177.349
PKT 195/10	31/10	Xác định lãi (lỗ)	911 421	18.532.048	18.532.048
		Cộng SPS T10/2010		58.903.415.126	58.903.415.126

Biểu số 2.12: Trích sổ Nhật ký chung

SỔ CÁI

TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
....
PT 1/10	1/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0067975)	111		12.181.818
....
PT 7/10	3/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0067981)	111		28.818.182
PT 22/10	4/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0067995)	111		22.818.182
PT 23/10	04/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0067996)	111		13.636.364
.....
PT 41/10	05/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0068009)	111		28.181.818
PT 43/10	07/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0068011)	111		15.000.000
.....
PT 98/10	18/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0068060)	111		13.636.364
PKT 97/10	19/10	Nguyễn Văn Vinh nợ tiền hàng (HĐ 0068062)	131		19.727.273
.....
PT 187/10	23/10	Thu tiền sửa chữa thay thế phụ tùng (HĐ 0088619)	111		4.070.000
.....
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển doanh thu BH & cung cấp dịch vụ	911	8.010.081.353	
		Cộng SPS T10/2010		8.010.081.353	8.010.081.353

Biểu số 2.13: Trích Sổ Cái TK 511

SỔ CÁI
TK 632 : Giá vốn hàng bán
 Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
....
PXK 1/10	1/10	Xuất hàng bán Wave anpha 2675854	156	11.852.818	
....
PXK 21/10	4/10	Xuất hàng bán Click 0244910	156	22.502.182	
PXK 25/10	4/10	Xuất hàng bán Wave RSX 5691957	156	14.710.000	
PXK 49/10	7/10	Xuất hàng bán Future X FI 0058215	156	23.368.000	
PXK 50/10	7/10	Xuất hàng bán Click 0226703	156	22.502.182	
....
PXK 104/10	19/10	Xuất hàng bán Future X 3232656	156	19.480.545	
....
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển giá vốn	911		7.761.016.825
		Cộng SPS T10/2010		7.761.016.825	7.761.016.825

Biểu số 2.14: Trích Sổ Cái TK 632

2.2.3 Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.1 Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm của công ty TNHH TM Hương Giang là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng.

2.2.3.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Tài khoản sử dụng:

+ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

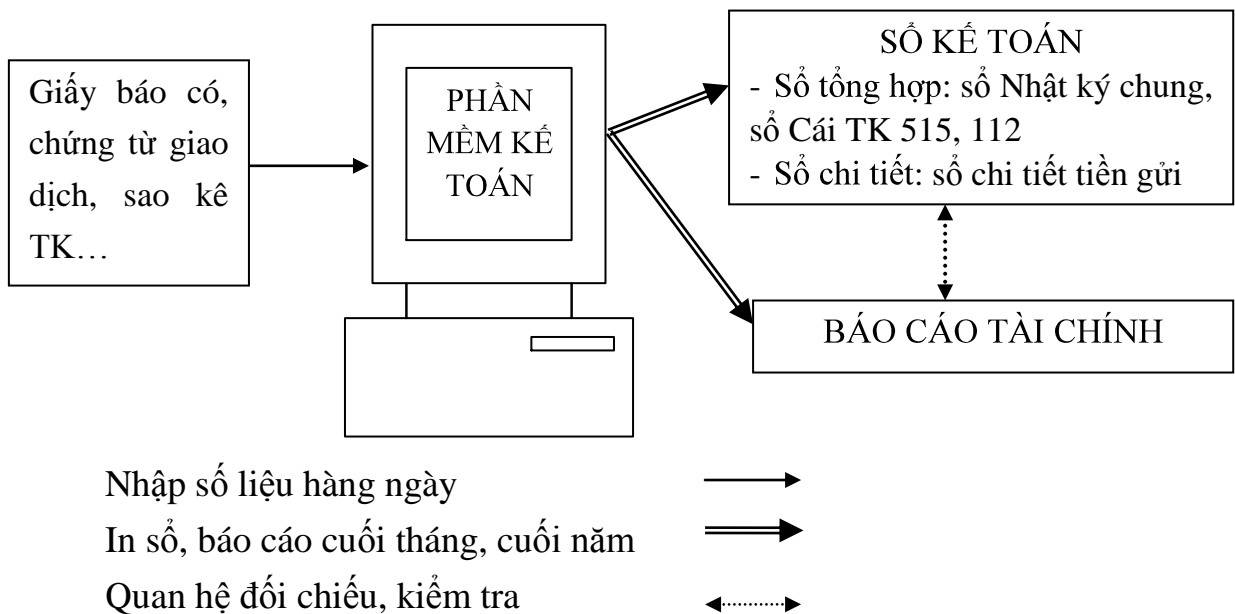
b. Chứng từ sử dụng:

- + Chứng từ giao dịch của ngân hàng, giấy báo có
- + Sao kê tài khoản ngân hàng

c. Sổ sách sử dụng:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết tiền gửi
- + Sổ Cái TK 515, 112

d. Quy trình hạch toán



**SƠ ĐỒ 2.4: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN DOANH THU
HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

VD: Ngày 30/10 nhập lãi tiền gửi Ngân hàng BIDV, số tiền 1.643.545 VNĐ

Trình tự nhập số liệu:

- + Từ chứng từ giao dịch, kế toán sẽ tiến hành nhập số liệu vào phần mềm.
- + Kế toán vào phân hệ Giao dịch/ Giấy báo có ngân hàng để nhập số liệu. Máy tính sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ sách liên quan: sổ NKC, SC TK 515, TK 112...
- + Kế toán vào phân hệ Báo cáo/ Sổ kế toán tổng hợp để xem sổ NKC và các sổ cái liên quan.

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chi nhánh: 321 CN NGÂN HÀNG ĐT&PT HẢI PHÒNG

DD INTEREST VOUCHER

Ngày: 30/10/2010

Tên TK : CTY TNHH TM HƯƠNG GIANG

TK số : 32110000237311

Loại tiền: VNĐ

Diễn giải: Trả lãi tiền gửi tháng 10/2010

Số dư TK	Lãi suất (%)	
957,718,696	3.00000000	1,643,545

: 1,643,545

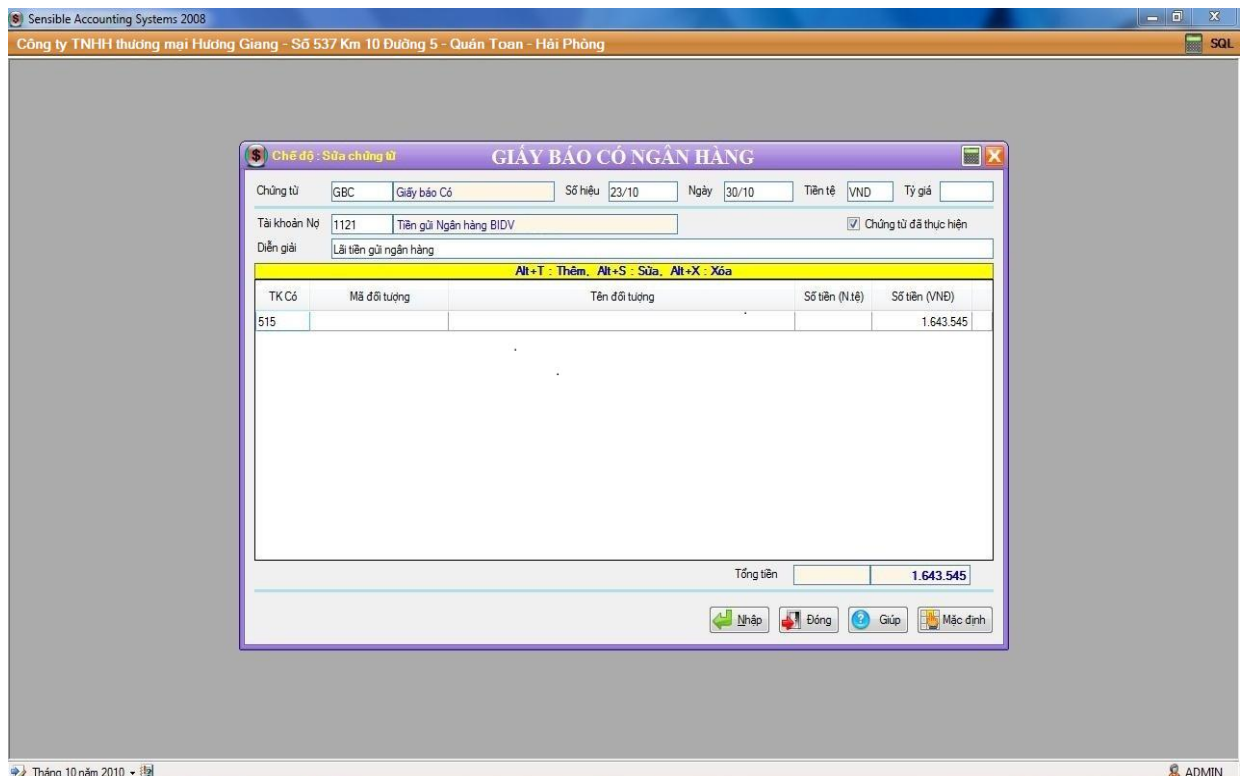
: Một triệu sáu trăm bốn ba nghìn năm trăm bốn lăm VNĐ chẵn

Teller

Kiểm soát viên

NGÂN HÀNG ĐT&PT - VN
PHÒNG GIAO DỊCH
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
CHI NHÁNH TP HẢI PHÒNG

Biểu số 2.15: Chứng từ ngân hàng



SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PT 1/10	1/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0067975)	111 511 3331	13.400.000	12.181.818 1.218.182
PXK 1/10	1/10	Giá vốn	632 156	11.852.818	11.852.818
PC 4/10	1/10	Chi trả tiền mua USB Kington 8G	642 133 111	409.091 40.909	450.000
PC 12/10	3/10	Nộp tiền vào TK NH Đầu tư & PT HP	112 111	433.804.000	433.804.000
PT 7/10	3/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0067981)	111 511 3331	31.700.000	28.818.182 2.881.818
PXK 10/10	3/10	Giá vốn	632 156	27.697.273	27.697.273
.....
GBC 23/10	30/10	Lãi tiền gửi T10 ngân hàng BIDV	112 515	1.643.545	1.643.545
.....
GBC 28/10	30/10	Lãi tiền gửi T10 ngân hàng NN&PT	112 515	2.729.158	2.729.158
.....
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515 911	4.372.703	4.372.703
.....
		Cộng SPS T10/2010		58.903.415.126	58.903.415.126

Biểu số 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

SỔ CÁI
TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
GBC 23/10	30/10	Lãi tiền gửi T10 ngân hàng BIDV	112		1.643.545
GBC 28/10	30/10	Lãi tiền gửi T10 ngân hàng NN&PT	112		2.729.158
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển doanh thu HĐTC	911	4.372.703	
		Cộng SPS T10/2010		4.372.703	4.372.703

Biểu số 2.17: Sổ Cái TK 515

2.2.4 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1 Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao và sửa chữa tài sản cố định
- Chi phí mua ngoài bao gồm: chi phí vận chuyển bốc xếp, tiền điện, nước, điện thoại phục vụ công tác quản lý và bán hàng.
- Chi phí bằng tiền mặt khác: các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

2.2.4.2 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Tài khoản sử dụng:

- + TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- + Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 133...

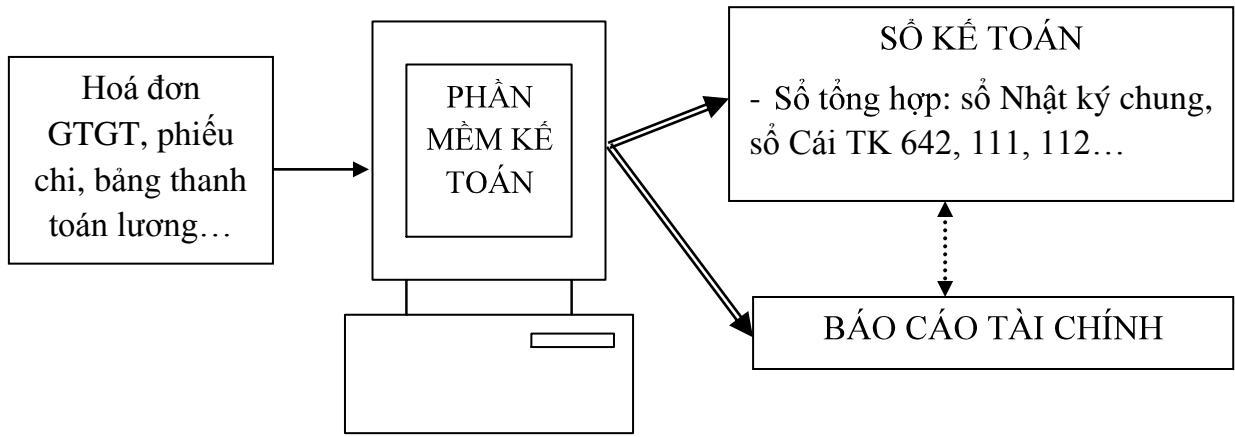
b. Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu chi
- + Hoá đơn GTGT
- + Bảng thanh toán lương
- + Hợp đồng, cước phí vận tải, vé máy bay, tàu hỏa....

c. *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái TK 642

d. *Quy trình hạch toán*



- Nhập số liệu hàng ngày \longrightarrow
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

SƠ ĐỒ 2.5: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

VD: Ngày 01/10/2010, chi tiền mua USB Kington 8G, số tiền 450.000 đồng.

Trình tự nhập số liệu:

- + Từ hoá đơn GTGT, kế toán vào phân hệ Giao dịch/ Phiếu chi tiền mặt để lập phiếu chi 04/10.
- + Máy tính sẽ tự động cập nhật số liệu và chuyển vào các sổ sách liên quan: sổ NKC, SC TK 642, TK 111...
- + Kế toán vào phân hệ Báo cáo/ Sổ kế toán tổng hợp để xem sổ NKC và các sổ cái liên quan.
- + Cuối tháng máy tính sẽ tập hợp và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Khoá luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao khách hàng Ngày 01 tháng 10 năm 2010		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL MT/2010B 0013020			
Đơn vị bán hàng: Địa chỉ: Số tài khoản: Điện thoại:	CTY CP TM HOÀ DUNG TÂN DƯƠNG – THỦY NGUYỄN - HP MST: 0200533201	MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Hương Giang Địa chỉ: Số 537 Km 10, QL 5, Quán Toan, Hồng Bàng, HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	USB Kington 8G	Cái	1	409.091	409.091
Cộng tiền hàng:					409.091
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		40.909
Tổng cộng tiền thanh toán:					450.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>			
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.18: Hoá đơn GTGT

Khoá luận tốt nghiệp

Sensible Accounting Systems 2008
 Công ty TNHH thương mại Hương Giang - Số 537 Km 10 Đường 5 - Quận Toan - Hải Phòng

Chế độ: Sửa chứng từ PHIẾU CHI TIỀN MẶT

Chứng từ: PC | Phiếu chi tiền mặt | Số hiệu: 4/10 | Ngày: 1/10 | Tiền tệ: VND | Tỷ giá:

Tài khoản Có: 111 | Tiền mặt | Chứng từ đã thực hiện

Diễn giải: Chi trả tiền mua USB Kingston 8G | Chứng từ kèm theo:

Người giao dịch: Trần Thị Thuý | Địa chỉ: | Kế toán:

Alt+T: Thêm, Alt+S: Sửa, Alt+X: Xóa

TK Nợ	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Yếu tố chi phí	Số tiền (N.tê)	Số tiền (VND)
642			VP		409.091

Alt+M: Thêm, Alt+A: Sửa, Alt+D: Xóa, Alt+C: Sao chép

Sên HB	Số HB	Ngày	VAT	TK	Pháp nhân	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số	Thuế (N.tê)	Tiền thuế (VND)	Yếu tố
MT/2010B	0013020	01-10-10	V10	133	Công ty CP TM Hòa Dung	0200533201		409.091		40.909	1

Phát sinh ngoại tệ: | Thuế ngoại tệ: | Tổng ngoại tệ:

Phát sinh VND: 409.091 | Thuế VND: 40.909 | Tổng VND: 450.000

Tháng 10 năm 2010 - ADMIN

Công ty TNHH thương mại Hương Giang

Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP

Nợ 642: 409.091

Nợ 133: 40.909

Có 111: 450.000

PHIẾU CHI

Số : 04/10

Ngày 1 tháng 10 năm 2010

Họ tên người nhận tiền: **Trần Thị Thuý**

Địa chỉ: **Kế toán**

Lý do chi: **Chi trả tiền mua USB Kingston 8G**

Số tiền: **450.000 đồng**

(Viết bằng chữ) **Bốn trăm năm mươi ngàn đồng chẵn**

Chứng từ kèm theo: **Hoá đơn MT/2010B 0013020**

Đã nhận đủ số tiền **Bốn trăm năm mươi ngàn đồng chẵn**

(viết bằng chữ)

Ngày 1 tháng 10 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.19: Phiếu chi

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PT 1/10	1/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0067975)	111 511 3331	13.400.000	12.181.818 1.218.182
PXK 1/10	1/10	Giá vốn	632 156	11.852.818	11.852.818
PC 4/10	1/10	Chi trả tiền mua USB Kington 8G	642 133 111	409.091 40.909	450.000
PC 12/10	3/10	Nộp tiền vào TK NH Đầu tư & PT HP	112 111	433.804.000	433.804.000
PT 7/10	3/10	Thu tiền bán hàng (HĐ 0067981)	111 511 3331	31.700.000	28.818.182 2.881.818
PXK 10/10	3/10	Giá vốn	632 156	27.697.273	27.697.273
.....
PC 28/10	05/10	Chi trả tiền in tờ rơi	642 133 111	3.636.000 363.600	3.999.600
.....
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	228.727.834	228.727.834
.....
Cộng SPS T10/2010				58.903.415.126	58.903.415.126

Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung

SỔ CÁI
TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh
 Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PC 4/10	01/10	Chi trả tiền mua USB Kington 8G	111	409.091	
.....
PKT 13/10	03/10	Tính lương phải trả CNV T9/2010	334	31.753.000	
PC 28/10	05/10	Chi trả tiền in tờ rơi	111	3.636.000	
PC 33/10	05/10	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	175.510	
PKT 61/10	09/10	Nợ tiền học phí HAMS – cty Honda VN	331	2.181.818	
PKT 190/10	31/10	Trích khấu hao TSCĐ	214	24.690.346	
.....
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		228.727.834
		Cộng SPS T10/2010		228.727.834	228.727.834

Biểu số 2.21: Trích Sổ Cái TK 642

2.2.5 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Tài khoản sử dụng:

- + Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- + Các tài khoản liên quan: TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối

b. Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu kế toán

c. *Sổ sách sử dụng:*

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái các tài khoản liên quan: 911, 421, 642, 632, 511...

VD: Xác định kết quả kinh doanh tháng 10/2010.

Trình tự thực hiện:

+ Cuối kỳ, kế toán vào phân hệ *Tiện ích/ Kết chuyển cuối kỳ* để kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

+ Kế toán vào phân hệ *Giao dịch/ Phiếu kế toán tổng hợp* để xem các bút toán kết chuyển.

+ Máy tính sẽ tập hợp số liệu rồi phản ánh vào nhật ký chung, sổ cái các TK liên quan. Kế toán vào phân hệ *Báo cáo/ Sổ kế toán tổng hợp* để xem sổ NKC và các sổ cái TK liên quan.





Công ty TNHH thương mại Hương Giang
Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 195/10

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Diễn giải: Kết chuyển tháng 10/2010

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số phát sinh
Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	8.010.081.353
Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	4.372.703
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	7.761.016.825
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	228.727.834
Xác định thuế TNDN tạm tính T10	821	3334	6.177.349
Kết chuyển thuế TNDN	911	821	6.177.349
Xác định lãi lỗ	911	421	18.532.048
Cộng			16.035.085.461

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán

SỔ CÁI
TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh
 Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển doanh thu BH & cung cấp dịch vụ	511		8.010.081.353
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		4.372.703
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	7.761.016.825	
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển chi phí QLKD	642	228.727.834	
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển thuế TNDN	821	6.177.349	
PKT 195/10	31/10	Xác định lãi (lỗ)	421	18.532.048	
		Cộng SPS T10/2010		8.014.454.056	8.014.454.056

Biểu số 2.23: Sổ Cái TK 911

SỔ CÁI
TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
PKT 195/10	31/10	Xác định thuế TNDN tạm tính T10	3334	6.177.349	
PKT 195/10	31/10	Kết chuyển thuế TNDN	911		6.177.349
		Cộng SPS T10/2010		6.177.349	6.177.349

Biểu số 2.24: Sổ Cái TK 821

SỔ CÁI

TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
.....
		SD đầu T10/2010			<u>33.341.096</u>
PKT 195/10	31/10	Xác định lãi (lỗ)	911		18.532.048
		Cộng phát sinh			18.532.048
		SD cuối T10/2010			<u>51.873.144</u>

Biểu số 2.25: Sổ Cái TK 421

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Số năm nay	Số năm trước
1, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	358.241.714.915	225.658.102.972
2, Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3, Doanh thu thuần	10		358.241.714.915	225.658.102.972
4, Giá vốn hàng bán	11		352.668.583.644	220.924.180.628
5, LN gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.573.131.271	4.733.922.344
6, Doanh thu hoạt động tài chính	21		57.272.445	67.444.228
7, Chi phí tài chính	22		-	8.632.853
8, Chi phí quản lý kinh doanh	25		5.506.710.147	4.474.973.652
9, Lợi nhuận thuần từ HĐ KD	30		123.693.569	317.760.067
10, Thu nhập khác	31		-	-
11, Chi phí khác	32		-	-
12, Lợi nhuận khác	40		-	-
13, Tổng lợi nhuận trước thuế	50	IV.09	123.693.569	317.760.067
14, Chi phí thuế TNDN	51		29.921.591	55.608.012
15, Lợi nhuận sau thuế	60		93.771.978	262.152.055

Biểu số 2.26: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯƠNG GIANG

3.1 Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Hương Giang

3.1.1 Kết quả đạt được

3.1.1.1 Về công tác kế toán nói chung

◆ *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Nhìn chung, công tác kế toán của công ty đã đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty, đáp ứng đúng nhu cầu hạch toán, phản ánh được tình hình sử dụng lao động, tiền vốn... Công ty đã tiến hành quản lý và đánh giá doanh thu, tập hợp đầy đủ các khoản chi phí mà nhờ đó xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phòng kế toán kiểm tra, xử lý và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất. Việc bố trí và phân công trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với trình độ và năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hoá, đồng thời các nhân viên kế toán là những người am hiểu chế độ, chính sách kế toán, thuần thục các quy trình kế toán, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

◆ *Về hình thức kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung được tổ chức, xử lý và ghi chép trên phần mềm kế toán Sensible Accounting Systems 2008 phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Với hình thức này đảm bảo rõ ràng, dễ thu nhận, xử lý thông tin, đồng thời cùng với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác, đầy đủ, và cho phép người sử dụng in ra các sổ sách, báo cáo và thông tin tài chính bất cứ khi nào theo yêu cầu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý.

◆ *Về chứng từ sử dụng:*

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính. Nhìn chung, những thông tin kinh tế đã được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ kế toán.

◆ *Về tổ chức bộ sổ kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính phù hợp với yêu cầu quản lý và quy mô của công ty. Hệ thống sổ sách của công ty hoàn chỉnh, gọn nhẹ, có độ tin cậy cao.

3.1.1.2 Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

◆ *Về tổ chức kế toán doanh thu:*

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh, là cơ sở quan trọng để xác định kết quả kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

◆ *Về công tác kế toán chi phí:*

Chi phí là vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác kế toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

◆ *Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Những hạn chế chung

◆ *Về việc luân chuyển chứng từ:*

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính. Trong công ty, mọi chứng từ được luân chuyển đều diễn ra đúng trình tự. Tuy nhiên,

giữa các phòng ban trong công ty không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất mát chứng từ rất khó quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

◆ *Phân bổ chi phí:*

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ đều được phản ánh vào chi phí trong kỳ mà không quan tâm đến việc chi phí đó lớn hay nhỏ để phân bổ dần vào chi phí các kỳ kế toán tiếp theo.

◆ *Chính sách bán hàng:*

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn và thu hút khách hàng. Công ty TNHH TM Hương Giang không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua xe với số lượng nhiều (từ 5 xe trở lên) và tổng giá trị mua hàng lớn. Việc không áp dụng chính sách ưu đãi làm giảm một lượng khách hàng và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ của công ty.

3.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Hương Giang

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Hương Giang chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý. Vì vậy, nên tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao. Đồng thời là cơ sở để cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động kinh doanh, để tăng doanh thu và giảm chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai.

3.3 Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Hương Giang

3.3.1 Về việc luân chuyển chứng từ:

Công ty cần có quy định cụ thể về việc giao nhận chứng từ. Khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần phải có phiếu giao nhận và các bên đều phải ký

nhận vào phiếu. Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với việc quản lý chứng từ.

Em xin mở phiếu giao nhận chứng từ

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày 01/10/2010

Tên người giao	Số hiệu chứng từ	Số lượng chứng từ	Số tiền	Ký nhận

3.3.2 Về việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh

➤ Cơ sở đưa ra giải pháp:

Các khoản chi phí quản lý kinh doanh nếu phát sinh lớn có thể hạch toán vào TK 142, TK 242 - Chi phí trả trước để phân bổ dần vào các kỳ kế toán tiếp theo, tránh tình trạng chi phí tăng cao vào một tháng có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

➤ Nội dung giải pháp:

Khi phát sinh chi phí quản lý kinh doanh với giá trị lớn, kế toán phản ánh:

Nợ TK 142, 242

Nợ TK 133 (nếu có)

Có TK 111, 112...

Hàng tháng phân bổ dần vào quản lý kinh doanh:

Nợ TK 642 : Phần chi phí phân bổ vào chi phí QLKD

Có TK 142, 242 : Chi phí trả trước

VD: Tháng 6/2010, công ty ký hợp đồng quảng cáo trên truyền hình, thời gian quảng cáo trong 3 tháng, tổng số tiền 59.400.000 đồng. Tuy nhiên, kế toán đã hạch toán toàn bộ số tiền trên vào chi phí quản lý kinh doanh tháng 6/2010, mà không phân bổ sang các tháng tiếp theo khiến chi phí quản lý kinh doanh tháng 6/2010 tăng cao.

Màn hình nhập chứng từ

Kế toán hạch toán toàn bộ chi phí quảng cáo vào chi phí QLKD tháng 6/2010

Nợ TK 642: 54.000.000

Nợ TK 133: 5.400.000

Có TK 331: 59.400.000

PHIẾU CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chứng từ: PKT | Phiếu kế toán | Số hiệu: 05/06 | Ngày: 02/06 | Tiền tệ: VND | Tỷ giá:

Tài khoản Có: 331 | Phải trả người bán | Chứng từ đã thực hiện

Đối tượng: THP | Truyền hình HP

Diễn giải: Nợ tiền quảng cáo trên truyền hình | Chứng từ kèm theo:

Alt+T : Thêm, Alt+S : Sửa, Alt+X : Xóa

TK Nợ	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Yếu tố chi phí	Số tiền (N tệ)	Số tiền (VND)
642					54.000.000

Alt+M : Thêm, Alt+A : Sửa, Alt+D : Xóa, Alt+C : Sao chép

Seri HD	Số HD	Ngày	VAT	TK	Pháp nhân	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số	Thuế (N tệ)	Tiền thuế (VND)	Yếu tố	M
HB/2010B	0067752	02/06/10	V10	133	Truyền hình HP	0101098423		54.000.000		5.400.000		1

Phát sinh ngoại tệ: Thuế ngoại tệ: Tổng ngoại tệ:

Phát sinh VND: 54.000.000 | Thuế VND: 5.400.000 | Tổng VND: 59.400.000

Tháng 6 năm 2010 ADMIN

Thực hiện phân bổ:

- Tháng 6/2010, khi phát sinh chi phí quảng cáo, kế toán định khoản:

Nợ TK 142: 54.000.000

Nợ TK 133: 5.400.000

Có TK 331: 59.400.000

- Kế toán phân bổ vào chi phí quản lý kinh doanh tháng 6/2010:

Nợ TK 642: 18.000.000

Có TK 142: 18.000.000

- Tháng 7/2010, kế toán tiếp tục phân bổ dần vào chi phí quản lý kinh doanh

Nợ TK 642: 18.000.000

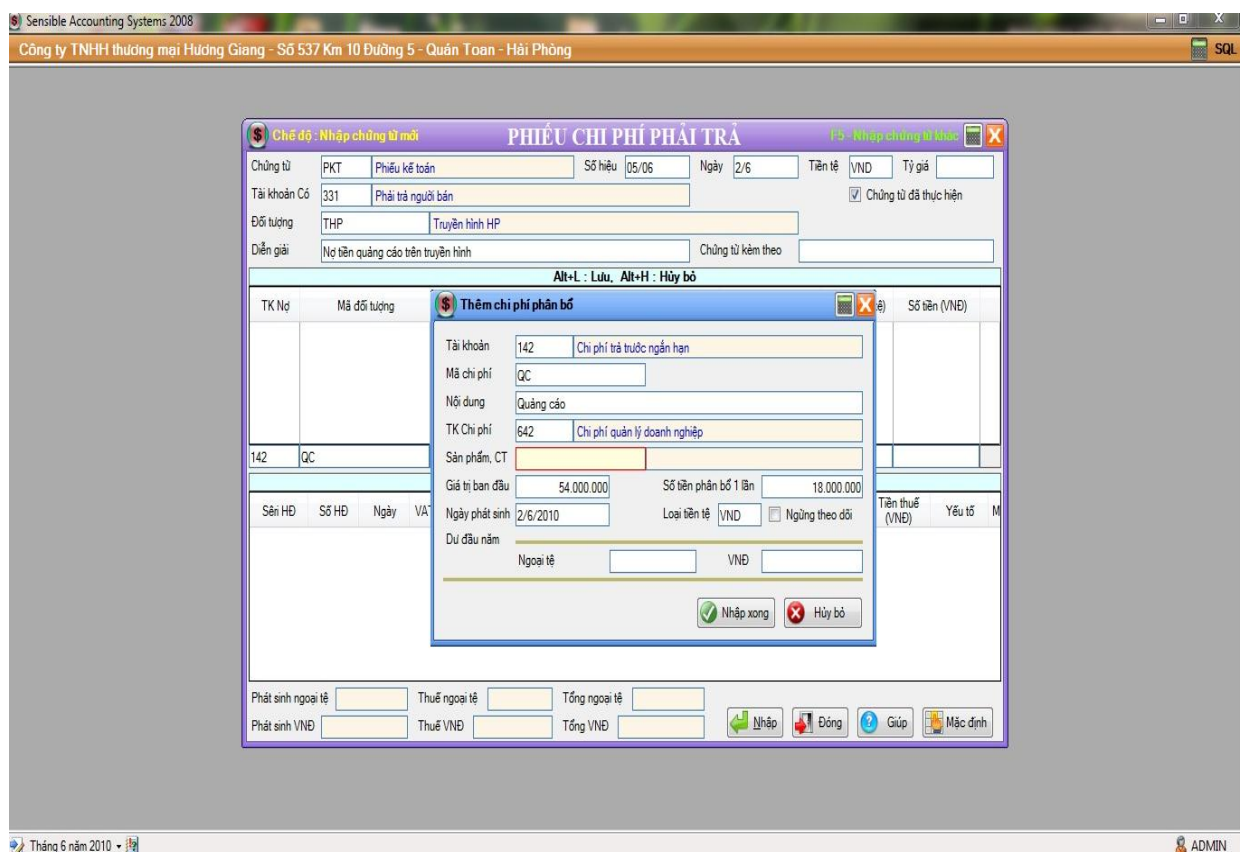
Có TK 142: 18.000.000

- Tháng 8/2010, kế toán phân bổ chi phí quảng cáo tương tự tháng 7/2010.

Trình tự nhập số liệu:

- + Tháng 6, khi phát sinh chi phí quảng cáo, kế toán vào phân hệ Giao dịch/ Phiếu chi phí phải trả để phản ánh khoản chi phí quảng cáo phát sinh.
- + Cuối tháng 6, kế toán vào phân hệ Tiện ích/ Phân bổ chi phí trả trước để phân bổ số tiền quảng cáo tính vào chi phí QLKD.
- + Máy tính sẽ tự động phân bổ và cập nhật số liệu, chuyển vào các sổ sách liên quan: sổ NKC, SC TK 642, TK 142... Kế toán vào phân hệ Báo cáo/ Sổ kế toán tổng hợp để xem sổ NKC và các sổ cái liên quan.
- + Tháng 7, tháng 8, kế toán vào phân hệ Tiện ích/ Phân bổ chi phí trả trước để tiếp tục phân bổ số tiền quảng cáo đã phát sinh trong tháng 6/2010.

Màn hình nhập chứng từ mới:



Khoá luận tốt nghiệp

Sensible Accounting Systems 2008
 Công ty TNHH thương mại Hương Giang - Số 537 Km 10 Đường 5 - Quán Toan - Hải Phòng

PHIẾU CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chứng từ: PKT | Phiếu kế toán | Số hiệu: 05/06 | Ngày: 2/6 | Tiền tệ: VND | Tỷ giá:

Tài khoản Có: 331 | Phải trả người bán | Chứng từ đã thực hiện

Đối tượng: THP | Truyền hình HP

Diễn giải: Nợ tiền quảng cáo trên truyền hình | Chứng từ kèm theo:

TK Nợ	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Yếu tố chi phí	Số tiền (N.tệ)	Số tiền (VND)
142	QC	Quảng cáo			54.000.000

Seri HĐ	Số HĐ	Ngày	VAT	TK	Pháp nhân	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số	Thuế (N.tệ)	Tiền thuế (VND)	Yếu tố
HB/2010B	0067752	02/06/10	V10	133	Truyền hình HP	0101098423		54.000.000		5.400.000	1

Phát sinh ngoại tệ: | Thuế ngoại tệ: | Tổng ngoại tệ:

Phát sinh VND: **54.000.000** | Thuế VND: **5.400.000** | Tổng VND: **59.400.000**

Nhập | Đóng | Giúp | Mặc định

Tháng 6 năm 2010 • ADMIN

Công ty TNHH thương mại Hương Giang
Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 05/06

Ngày 02 tháng 06 năm 2010

Diễn giải: Nợ tiền quảng cáo trên truyền hình

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số phát sinh
Tiền quảng cáo	142	331	54.000.000
Thuế GTGT	133	331	5.400.000
Cộng			59.400.000

Kèm HĐ: HB/2010B 0067752

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán
(ký, họ tên)

Biểu số 3.1: Phiếu kế toán



3.3.3 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá

➤ Cơ sở đưa ra giải pháp:

Công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu thương mại phù hợp với tình hình tiêu thụ tại công ty nhằm thúc đẩy quá trình tiêu thụ, thu hút thêm nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng quen thuộc, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

➤ Nội dung thực hiện giải pháp:

▪ Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

+ Đối với khách hàng thường xuyên mua hàng số lượng lớn (từ 5 xe trở lên) và tổng giá trị mua hàng trên 150.000.000 đồng, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu 1% trên doanh thu bán hàng.

+ Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty và mua hàng với số lượng lớn (từ 5 xe trở lên) và tổng giá trị mua hàng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu từ 1,1% đến 1,5% trên doanh thu bán hàng nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn, tạo lợi thế cạnh tranh với các doanh nghiệp khác kinh doanh cùng ngành.

▪ *Quy trình hạch toán:*

+ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào TK 5211.

+ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

▪ *Phương pháp hạch toán*

+ Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ:

Nợ TK 5211

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112, 131...

+ Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511

Nợ TK 511

Có TK 5211

VD: Tháng 9/2010, công ty TNHH MTV TM Công Soái mua xe (HĐ 0077378) phục vụ cho doanh nghiệp, giá trị mua hàng 166.090.910 đồng, thuế VAT 10%.

Khoá luận tốt nghiệp

Số hiệu	Ngày	Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh Nợ (VNĐ)	Phát sinh Có (VNĐ)
Dư đầu kỳ					
PKT11/9	03/09	Chưa thu tiền bán hàng (HD 0077378)	511	166.090.910	
	03/09	Thuế GTGT đầu ra	3331	16.609.091	
Cộng số phát sinh				182.700.001	
Dư cuối kỳ				182.700.001	

Như vậy, số tiền chiết khấu thương mại công ty TNHH MTV TM Công Soái được hưởng là:

$$\text{Số tiền chiết khấu} = 1\% * 166.090.910 = 1.660.909 \text{ đồng}$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 5211: 1.660.909

Nợ TK 3331: 166.091

Có TK 131: 1.827.000

Cuối tháng, kết chuyển sang TK 511:

Nợ TK 511: 1.660.909

Có TK 5211: 1.660.909

Trình tự nhập số liệu:

+ Sau khi tính toán số tiền chiết khấu thương mại, kế toán vào phân hệ Giao dịch/ Phiếu kế toán tổng hợp để lập phiếu kế toán phản ánh số tiền chiết khấu thương mại.

+ Cuối tháng, kế toán vào phân hệ Tiện ích/ Kết chuyển cuối kỳ để thực hiện bút toán kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK 511.

+ Máy tính sẽ tự động cập nhật số liệu và chuyển vào các sổ sách liên quan: sổ NKC, SC TK 511, TK 521... Kế toán vào phân hệ Báo cáo/ Sổ kế toán tổng hợp để xem sổ NKC và các sổ cái liên quan.

Khoá luận tốt nghiệp

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Chứng từ: PKT | Phiếu kế toán | Số hiệu: | Ngày: 3/9 | Tiền tệ: VND | Tỷ giá: |
 Diễn giải: Chiết khấu thương mại cho cty TNHH MTV TM Công Soái | Chứng từ đã thực hiện

Diễn giải chi tiết	TKNợ	TKCó	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Yếu tố chi phí	Số tiền (N.lệ)	Số tiền (VND)
Chiết khấu thương mại cho cty TNHH MTV TM Công Soái	5211	131		CS			1.660.909
Chiết khấu thương mại cho cty TNHH MTV TM Công Soái	3331	131		CS			166.091

Tổng ngoại tệ: | Tổng VND: 1.827.000

Công ty TNHH thương mại Hương Giang
Số 537 Km10 đường 5, Quán Toan – Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 03 tháng 09 năm 2010

Diễn giải: Chiết khấu thương mại cho công ty TNHH MTV TM Công Soái

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số phát sinh
Chiết khấu thương mại	5211	131	1.660.909
Thuế GTGT	3331	131	166.091
Cộng			1.827.000

Người lập
 (ký, họ tên)

Kế toán
 (ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Phiếu kế toán



SỔ CÁI

TK 521 : Các khoản giảm trừ doanh thu

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
PKT	03/09	CKTM cho công ty TNHH MTV TM Công Soái	131	1.660.909	
PKT	30/09	Kết chuyển CKTM	511		1.660.909
		Cộng SPS T9/2010		1.660.909	1.660.909

3.3.4 Một số biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh

Những năm qua, thị trường kinh tế trong nước có nhiều biến động đã tác động đến thị trường xe máy trong nước nói chung và công ty nói riêng, nhưng bằng nỗ lực kinh doanh của ban lãnh đạo, công ty luôn đứng vững và mở rộng quy mô hoạt động. Tuy nhiên để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, công ty cần tiếp tục thực hiện các biện pháp:

- Tích cực tìm hiểu mở rộng thị trường trong nước, mở thêm chi nhánh ở các tỉnh, thành phố khác để tìm kiếm khách hàng mới cũng như quảng bá thương hiệu công ty, đồng thời duy trì và ổn định thị trường hiện có.
- Tiếp tục thực hiện các chính sách bán hàng truyền thống như tặng áo mưa, mũ bảo hiểm... cho khách hàng khi mua xe nhân dịp các ngày lễ hay trong các đợt khuyến mại.
- Quản lý và sử dụng triệt để TSCĐ, sử dụng tiết kiệm các chi phí, giảm thiểu các chi phí không cần thiết như hội họp, tiếp khách..., tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả nhằm tăng lợi nhuận.
- Bất kỳ doanh nghiệp nào cũng đều cần đến vốn và phải huy động vốn, công ty nên tính toán các phương thức huy động vốn và lựa chọn phương thức huy động nào có chi phí lãi vay thấp nhất.

KẾT LUẬN

Khi nền kinh tế Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ, cơ cấu kinh tế thay đổi đòi hỏi mọi doanh nghiệp phải đạt hiệu quả nên hàng đầu. Nhiệm vụ của các nhà doanh nghiệp đặt ra là với nguồn lực trong và ngoài nước, họ sẽ sử dụng sao cho doanh nghiệp đó được lớn mạnh. Để phù hợp với tình hình thực tế thì công tác kế toán cũng không ngừng hoàn thiện và phát triển, góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng quản lý tài chính trong mỗi doanh nghiệp .

Trong kinh doanh với bất kỳ doanh nghiệp nào thì tiêu thụ luôn là khâu quan trọng quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Do đó công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ một nhiệm vụ rất quan trọng, cung cấp thông tin để doanh nghiệp đưa ra những hướng phát triển tiếp theo.

Qua quá trình học tập và tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Thương Mại Hương Giang, cùng với sự chỉ bảo của cán bộ nhân viên phòng kế toán công ty, đặc biệt là sự giúp đỡ nhiệt tình của các Th.S Nguyễn Thị Thuý Hồng, em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp của mình. Với kiến thức còn nhiều hạn chế nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự quan tâm, góp ý kiến chỉ bảo của các thầy cô giáo cùng các cán bộ phòng kế toán công ty để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn Th.S Nguyễn Thị Thuý Hồng và toàn thể cán bộ nhân viên kế toán của công ty TNHH TM Hương Giang đã giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Hằng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.
2. Khoá luận các khoá 9, 10 tại thư viện trường
3. Website: webketoan.com, google.vn
4. Tài liệu, sổ sách kế toán năm 2010 của công ty TNHH TM Hương Giang.